NĂM THỨ TƯ — Số 139 Thứ năm 20 Avril 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Ngỏ qua mấy phái trong làng «Lập ngôn» ở xứ ta nay — *Hoa-Bằng*
* Tùy hứng — *Bà Vân-Đài — Bạch-Diện Cách Chi — Thi-Nham*
* Dịch thơ Đường — *Trúc-Khê*
* Những ông nghè triều Lê (LXXVIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Gốc tích thành Huế — *Ứng-Hòe*
* Văn học Việt-Nam hiện đại (1900-1940) (I) — *Lê-Thanh*
* Lê Quýnh (hết) — *Tiên-Đàm*
* Vũ-như-Tô (lịch lịch-sử, hết) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Nam đàn bát châu thi thảo (XXII) — *Tùng-Vân*
* Khái luận và phê-bình thi ca cũ — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Đại-nam dật-sự (XXVII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXI) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm 18$00 — 6 tháng 9$50 — 3 tháng 5$00 — Mỗi số 0$40

Trở lại vấn-đề lập-ngôn

Ngó qua mấy phái trong làng « LẬP-NGÔN » ở xứ ta nay

HOA BẰNG

Từ khi tiếp xúc Âu tây, người minh như qua một cơn mộng lớn mới tỉnh, nhìn vào cái kho Quốc-học, Quốc-văn, thấy thơ-thớt mấy pho sách hán, lác-đác vài cuốn truyện nôm, không khỏi ngơ-ngác nhìn nhau vừa buồn vừa tủi : một nước mấy nghìn năm văn hiến chỉ có thế ư?

Rồi người ta hô hào cổ-động : Phải gây lấy một nền Quốc-học ! Phải làm giàu cho kho Quốc-văn !

Nhưng công-cuộc ấy, những ai có thể cáng-đáng ?

Trước một số ít trí-thức, chúng ta có thể tính đốt mà kể ra vanh-vách.

Nay nhân nghiên-cứu vấn-đề lập ngôn, xin tạm chia giới lập-ngôn của ta làm mấy phái cho dễ bạ lời lạm bình :

Phái dật dân.— Phái này gồm những nhà hán học uyên thâm, tuy không trực-tiếp hấp thụ văn-hóa âu-tây, nhưng đã chịu ảnh-hưởng tân học qua các tân thư của Tàu, nên có thể nói họ là một hạng người rộng kiến - thức, giàu từng trải. Nếu họ chịu khó đem học thức và lịch-duyệt ra mà trước thư lập ngôn thì chắc sẽ cống-hiến cho đời nhiều điều mà lớp hậu sinh như chúng ta đây chưa từng nghe thấy và biết tới. Nhưng tiếc rằng hạng này chẳng được bao lăm, mà còn ai sót lại đến giờ thì tuổi cũng đã già, sức cũng đã yếu, nên họ chỉ lần-lữa qua thời, ngày tháng vui cùng chậu lan, cây cảnh. Vậy nên độc giả không thể gửi hi-vọng vào phái này được.

Phái lão thành. — Phái này phần nhiều là những bậc tiền tiến trong làng tân học. Họ học chữ pháp, từ khi nhiều bạn khác của họ bấy còn đeo đuổi cái nghề ống quyển gọng lều. Rồi tiến theo thời-gian, họ dần dần có một cái vốn học-thức rất phong phú. Đã lão-luyện, lại viên-hoạt, họ rất thận trọng đối với vấn-đề lập ngôn. Không phải họ không biết công việc « tự giác giác tha » là rất cần trong buổi người minh đương thiếu « linh hương » nầy, nhưng ý họ dường như còn muốn đợi thời : quả bí phấn hà cứ lủng-lẳng treo cao mãi đâu song một khi chín đã chắc, cùi đã già, thì bí sẽ dùng để nấu canh hoặc làm mứt. Con ong ngày nào cũng hút hoa bu nhị, không phải nó đem về tổ rồi vứt xó bỏ hoài. Khi nào gió bấc thổi lạnh, vườn vắng tia hồng, người ta sẽ thấy tầng-ong nào cũng nặng trĩu những mật thơm ngon, bấy giờ mới biết cái dụng công ngấm ngầm của ong-mật. Vì vậy, đối với hạng này, ta nay chưa dễ có hân-hạnh được sớm đọc tác-phẩm họ.

Phái « nhà văn tài-tử » — Phái này không chuyên sống bằng nghề cầm bút, nhưng lúc nào họ cũng hương hoa cầu-nguyện cho Quốc-văn ngày một tiến-tới thịnh đạt hơn nước ngoài, nên họ rất ưa đọc sách bảo quốc-văn và theo sát từng bước của từng nhà văn một. Họ viết rất cứng nhưng ít chịu viết. Họ thường giấu sin lực-lượng trước những tiếng thúc-giục của bạn thân : « Giạo này bí quá, chẳng biết viết về vấn-đề gì cả ! » Hoặc : « Anh có vấn-đề gì hay thì gợi cho tôi viết ! » Hoặc : « Biết viết cái gì bây giờ ! Viết quấy-quá thì sợ mang lỗi với độc-giả ! » Đó là một cách họ « thao hối » rất khôn khéo.

Có một bạn đã thốt ra mấy lời khiêm-tốn này : « Tôi còn phải đọc nhiều và có dịp thì xách va-li lên đường đi cho thật nhiều, đi để học lấy những bài học tận nơi, tận chỗ. Bao giờ có tuổi, bấy giờ mới viết gì thì viết. »

Cũng vì thế, nhiều tác phẩm mà họ đã định làm bấy còn « ngủ » im trong hoài bão họ !

Phái có lương tâm nhà nghề. — Vì có tiếng gọi của thời-đại, vì có sự nhu-cầu của

hoàn-cảnh, vì có duyên nợ với văn chương, một số nhà văn chân-chính cảm thấy ba phái trên đây dường đã trút cả cho cái gánh nặng, không lẽ khoanh tay ngồi nhìn trước cảnh tiêu-điều của vườn văn-học và trước tài trí có hạn của cá-thể mình, nên họ đành phải tự huấn luyện, tự tinh tiến, tự tìm-tòi, tự mò-mẫm, cố đi từng bước một trong khi vác nặng, đường xa.

Giữa lúc thành-thực làm việc, họ cũng tự biết không khỏi có những khuyết điểm cần được bổ-túc bởi những bàn tay ủng-hộ của các bậc cao minh, nhưng có khi vì hoàn-cảnh bắt buộc, vì thời-thế đẩy xô, họ không thể « chờ trăng mọc rồi mới đỡ đẻ » được.

Có điều đáng nói là, phái này, hoặc vì quá sốt-sắng, hoặc vì quá tham-lam ôm-đồm, không biết thu hẹp phạm-vi, chuyên-chú vào một đường lối, thành thử có khi thất bại bởi có bề rộng mà kém bề sâu, bởi không chuyên-môn mà lạc-lõng sang địa-hạt không hợp với sở nặng mình!

Phái « thái quá ».— Trong bài « Lập ngôn » ở kỳ trước (T.T. số 138), tôi có làm bình rằng ngày nay người ta lại mắc phải cái bịnh « thái quá! »

« Thái quá » là đối với « bất cập » mà nói. Ngày xưa các cụ càng khiêm thoái bao nhiêu, ngày nay, có một hạng người lại càng « lên mình » bấy nhiêu. Ngày xưa các cụ càng cẩn thận trì-trọng bao nhiêu, ngày nay có một hạng người lại càng cẩu-thả khinh-suất bấy nhiêu. Ngày xưa các cụ sợ làm sách bao nhiêu, ngày nay có một hạng người lại sinh trước thuật bấy nhiêu.

Hạng này hình như « phải lại » cái bịnh trước đây hàng 37 năm đã nhiều người mắc:

« ...Khỏi làng, mắt chửa thấy xa,
Lại toan mãi-mỉa hai nhà Khang (1) Lương (2)!
Ở nhà, chân chửa ra đường,
Lại toan ngang dọc bốn phương giang hồ!

. . . . . .

Lại còn văn học lên câu,
Bịnh mê truyện quái, lòng âu sách tình;
Tinh-thần mê-mẩn trong n inh,
Bao nhiêu ý khí sinh-bình cũng tiêu!... »

Trích bài « Cáo hủ lậu văn diễn âm » (Bản dịch của Ngô Vi Lâm bằng chữ nôm đăng ở *Đăng cổ tùng báo* số 808, ngày 11 juillet 1907, trang 251-253).

Thấy tủ sách Quốc-văn đang trống-rỗng, bên cầu đang kêu-gọi bên cung, lại thấy mấy phái trên đây hoặc thận trọng chưa chịu làm, hoặc dè-dặt trong khi viết, họ liền xoay ngay thủ-đoạn « đâu cơ »: cho ra những sách chỉ choáng lộn ở cái nhan đề, hoặc lòe-loẹt ở chỗ hình-thức bằng cách ăn-loát công-phu, trình bày kì éo-léo đẹp-đẽ. Họ hảo hức muốn thu lấy cái cận hiệu là lừa-gạt một số độc giả dễ tính để hòng đạt được cái mộng tưởng bay lâu ngấp nghé lâu lâu vinh-quang, đứng ngang hàng với Nguyễn Trãi, Đoàn thị Điểm, Nguyễn Du, Ôn-như-hầu, Nguyễn Huy-Tự, Nguyễn công Trứ chẳng hạn... Nhưng nào có nghĩ: một khi sách

(Xem tiếp trang 21)

1) Khang Hữu-Vi.
2) Lương Khải-Siêu.

Tùy hứng

Chiều quê

Đồng vắng nông phu, đò vắng khách,
Làng chiều mây tỏa lướt màn sương.
Cây soi gương nước tìm dư ảnh
Mây đọng lòng sông nhớ viễn phương
Miếu cũ âm thầm bên cổ thụ,
Tre già thoi thóp dưới tà dương,
Ngâm nga mục tử về thôn vắng,
Vai nặng hoàng-hôn mỗi bước đường.

Bà VÂN ĐÀI

◈

Phú đắc Tụ là cỗi phúc (1)

(hạn vần tu)

Cuộc thế hoang-mang, cát, bụi mù,
Tìm đâu cỗi phúc liệu đường tu.
Gieo nhân quên tránh mầm oan-trái,
Kết quả gây nên mối oán-thù?
Giọt nước cành-dương tiêu nghiệp-chướng,
Tấm thân thoát tục nhẹ vân-âu.
Nước non ai muốn tìm ta hỏi:
Một mảnh lòng băng tại ngọc-hồ.

BẠCH DIỆN

1) Đầu đề thi thơ của hội K. T. T. Đ.

Dịch thơ Đường

Nguyên văn chữ hán

ĐĂNG LÂU

花近高楼傷客心.
Hoa cận cao lâu thương khách tâm

萬方多難此登臨
Vạn phương đa nạn thử đăng lâm

錦江春色來天地
Cẩm-giang xuân sắc lai thiên địa

玉壘浮雲変古今
Ngọc-lũy phù vân biến cổ câm

北極朝廷終不改
Bắc cực triều đình chung bất cải

西山寇盜莫相侵
Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm

可憐後主還祠廟,
Khả liên Hậu chủ di từ miếu,

日暮聊爲梁父吟
Nhật mộ liên vi Lương-phủ-ngâm.

ĐỖ PHỦ

Giải thích

Bài thơ này, nhà thơ Đỗ Phủ làm khi phiêu linh ở đất Thục. Bấy giờ đương đời vua Đường Đại-tôn niên hiệu Quảng đức, giặc Thổ-phồn ở miền tây vào hãm kinh-sư, vua phải chạy lánh vào Thiểm-châu. Ông ở troug Thục, tuy không dự vào quốc-chính nhưng lòng vẫn tưởng mến triều-đình, nhân khi trèo lên lầu cao, cảm xúc mà làm ra bài này. Lời tao nói mình đứng ở trên lầu cao, trông thấy hoa nở bên lầu, lòng thêm thương cảm, bởi vì mình lên lầu đây vào lúc muôn phương loạn lạc rối ren. Kia màu xuân ở trên sông Gấm đem cả trời đất về, nọ mây nổi ở núi Ngọc-lũy tan hợp không thường, biến đổi cả trò đời kim cổ. Nghĩ cái triều-đình Bắc-cực kia, dù sao thì vẫn hãy còn chứ không ai dễ thay đổi được, vậy những giặc cướp ở miền Tây-sơn chớ nên lấn cận. Hèn yếu đáng thương như vua Hậu-chủ nhà Hán mà miếu đền cũng vẫn còn kia, bởi vậy ta càng mong ước bậc vương-tá như là Gia-cát Khổng-Minh đã giúp Hậu-chủ khi xưa; ngày chiều ngâm khúc Lương phủ của Khổng-Minh vẫn ngâm, chính là vì có tấm lòng mong ước ấy.

Chú dẫn

Sông Gấm tức là sông Trạc-cẩm (giặt gấm) ở đất Thục (Tứ-xuyên). *Núi Ngọc-lũy* cũng ở đất Thục. Sông và núi này đều là những cảnh đứng ở trên lầu trông thấy.

Bắc-cực tức như Bắc-thần, chữ dùng để trỏ vào cái triều đình mà người ta thừa nhận là chân chính.

Giặc cướp Tây-sơn chẳng những trỏ vào giặc Thổ-phồn, cũng trỏ chung vào những bọn giặc Đoàn Tử-Chương, Từ Tri-Đạo bấy giờ nữa.

Vua Hậu-chủ nhà Hán tin dùng kẻ hoạn-quan Hoàng-Hạo để gây nên loạn, ở đây tác-giả có ý nói mình vua Đại-tôn cũng tin dùng bọn hoạn-quan Trịnh Nguyên-Chấn, Ngư Triều-Ân. Đền vua Hậu-chủ cũng là một cảnh trông thấy khi đứng ở trên lầu.

Lương phủ-ngâm là một khúc hát mà Khổng-minh vẫn thường hay hát khi còn cầy ruộng chưa ra giúp việc thiên hạ.

Dịch ra thơ

Thương tâm hoa nở bên lầu,
Bốn phương loạn lạc ôm sầu lên đây.
Sắc xuân sông Gấm phô bầy,
Làn mây Ngọc-lũy đổi thay trò đời.
Triều đình Bắc-cực cao ngôi,
Tây-sơn giặc giã lơi bời không lầu.
Miếu đền Hậu-chủ kia đâu,
Chiều hôm « Lương phủ » ngâm câu cảm hoài.

TRÚC KHÊ

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 78

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa kỷ mùi 1499 là năm thứ hai hiệu Cảnh-thống đời Lê Hiến-tông (1497-1504), có 24 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân:

1. — **Hoàng-Trừng**, người làng Bình-lỗ, huyện La-giang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 19 b, chép là xã Bình-hồ, huyện La-sơn), phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Tên tự là Nhất-thanh, tên hiệu là Lỗ-hiên. Đỗ năm 33 tuổi, ứng-chế đỗ thứ nhất. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang, tham coi việc viện Hàn-lâm (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 47 a).

2. — **Vũ-thận-Trinh**, người huyện Đường-an. Đỗ năm 36 tuổi (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 a).

3. — **Tăng-văn-Sán**, người làng Mỗ-đoàn (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 45 b, chép là xã Hương-quất), huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ hồng, tỉnh Hải-dương. Thi hương đỗ giải-nguyên. Năm 47 tuổi đỗ nhị giáp khoa kỷ-mùi 1499. Làm quan với Mạc, đến Lễ-bộ thượng-thư, trí sĩ, thọ 76 tuổi (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 a).

4. — **Nguyễn-trí-Tri**, người làng Nhải-dương, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an (Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Làm quan đến Lễ-bộ hữu-thị-lang, trí sĩ, thọ 92 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 96 a-b; *Đăng khoa lục*, q. 1 tờ 47 a).

5. — **Vũ-đạo-Quang**, người làng Trung-lập, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải dương. Làm quan đến chuyển-vận-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 3 a)

6. — **Quách-văn-Tảo**, người làng Quỳnh-bội, huyện Gia-định, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 34 tuổi. Làm quan đến thừa-chánh sứ (thừa-tuyên-sứ), trí sĩ, thọ 80 tuổi (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 111 b).

7. — **Phan-đình-Tá**, người làng Phù-lưu, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Đỗ năm 32 tuổi. Trong đời Quang-thiệu (1516-1526) thăng thừa-chánh-sứ Nghệ-an; sau vì là người bản sứ, đổi đi Kinh-bắc. Vua sai thừa-chánh-sứ Kinh-bắc là Phạm-khiêm Bính vào thay, ông Phan-đình-Tá không chịu đi, cùng Phạm-khiêm-Bính làm việc quan ở trấn Nghệ-an. Lúc ấy trong nước sắp loạn, quyền-chính không nghiêm. Trong đời Thống-nguyên (1522-1527) ông được thăng Lại-bộ thượng-thư. Cung-hoàng sai ông đem sách phong cho Mạc-đăng-Dung làm An-hưng-vương. Đến khi Đăng-Dung tiếm ngôi ông khuất thân phụng thờ, được phong tước hầu (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 b, chép ông được tước Lan-chân-bá, theo ngụy-Mạc làm tờ chiếu nhường ngôi). Về già biết hối, xin về ở làng (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 3 a b).

8. — **Bùi-Định-Tá**, người làng Đặng-xá, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu (nay thuộc Hưng-yên), trấn Sơn-nam. Đỗ năm 35 tuổi. Làm quan đến đô-cấp-sự trung, trí sĩ (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 47 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 68 b).

9 — **Nguyễn-tử-Đô**, người làng Lệ đường, huyện Ý yên, phủ Nghĩa-hưng (nay thuộc Nam-định), trấn Sơn-nam. Đỗ năm 36 tuổi. Làm quan đến phó-đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 102 a).

10. — **Đỗ-Mân**, người làng Ông-mặc, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 48 tuổi. Làm quan đến thừa-chánh-sứ, trí sĩ (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc tờ 82 a).

11. — **Nguyễn-bá-Tuấn**, người làng Đại-lạc, huyện Vũ-ninh trấn Kinh-bắc. Đổi tên là Nguyễn-bá-Thuyên. Năm mậu thìn 1508 hiệu Đoan-khánh, đang làm quan Thanh-hoa tổng-binh thiêm-sự, theo Lê Tương-dực đế (1509-1516) để khởi binh, có công được thăng Lễ-bộ thượng-thư, trước Do-lễ-bá, gia hàm Thiếu-bảo. Sau có loạn Trần-Cảo, bốn phương nổi dậy, vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) sai đi chiêu-tập các huyện trong phủ Từ-sơn, ông về đến Quế-dương thì mất (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc tờ 7 a; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 47 b; *Khâm-định Việt-sử*, q. 26, tờ 1 b).

12. — **Đỗ-đình-Huấn**, người làng Mĩ-huệ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Thừa-thiên phủ-doãn. Là em ruột Đỗ-dung-Kiểm, đỗ nhị giáp khoa 1490: hai anh em cùng đỗ chính-bảng, cùng làm quan một triều (chính-bảng của triều Lê là nhất giáp, nhị giáp; về triều Nguyễn, tam-giáp cũng gọi là chính-bảng) (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 44 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

GỐC TÍCH THÀNH HUẾ

(nối bài đăng ở số 132 ra ngày 2 Mars 1944)

Ứng-hòa NGUYỄN-VAN-TỐ

Suốt đời Tấn (265-419 sau T.-C.) thành Huế là đất Lâm-ấp (tức Chiêm-thành). Năm Đại-nghiệp thứ nhất (605) nhà Tùy đổi làm quận Tị-cảnh, cuối đời Tùy (617) lại mất về Lâm-ấp (*Khâm-định Việt-sử*, chính-biên, quyển 21, tờ 23 a). Đến đầu đời Đường (618) đổi làm châu Lâm, châu Cảnh, rồi lại mất về Lâm-ấp (*Hoàng-Việt địa-dư*, tờ 1 a). Trong đời Trinh-quán (627-649) đổi làm châu Nam-cảnh (*K. đ.*, q. 21, tờ 23 a). Đến đời Tống (960-1276) đất Huế lại về nước Chiêm-thành (*K. đ.*, q 21, tờ 23 a, và *Hoàng-Việt địa dư*, tờ 1 a).

Năm 1069, vua Lý Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành, vua Chiêm-thành dâng ba châu: Địa-lý, Ma-linh và Bố-chánh để chuộc tội. Địa-lý nay là phủ Quảng-ninh ở tỉnh Quảng-bình. Ma-linh nay là huyện Minh-linh và Do-linh ở tỉnh Quảng-trị. Bố-chánh nay là huyện Bình-chánh, Minh-chánh và Bố-trạch ở tỉnh Quảng bình (*K. đ.*, q. 3 tờ 28 a 29 b; L. Cadière, *Géographie historique du Quảng-bình, Les lieux historiques du Quảng-bình, Monuments et souvenirs chams du Quảng trị et du Thừa-thiên*, v. v., đăng ở tập kỷ-yếu trường Bác-cổ).

Năm 1075, vua Lý Nhân-tông sai Lý-thường-Kiệt vẽ hình-thế núi sông ba châu Địa-lý Ma-linh và Bố-chánh, rồi đổi châu Địa-lý làm châu Lâm-bình, châu Ma-linh làm châu Minh-linh, chiêu dân đến ở (*K. đ.*, q. 3, tờ 34 b). Năm 1103 vua Chiêm-thành là Chế-ma-na (Jaya Indravarman II) lấy lại đất ba châu. Năm 1104 Lý-thường-Kiệt dẹp được, Chế ma-na lại phải trả lại.

Năm 1306, vua Trần Anh-tông gả Huyền-trân cho vua Chiêm là Chế-mân (Jaya Simhavarman III). Chế-mân dâng đất châu Ô châu Lý làm sính-lễ *K. đ.*, q. 8, tờ 43 b, và *Hoàng Việt địa-dư*, tờ 1 a). Năm 1307, vua Trần đổi châu Ô châu Lý làm châu Thuận, châu Hóa, sai hành-khiển là Đoàn-nhữ-Hài đi hiểu-dụ âm-đức (*K. đ.*, q. 8, tờ 44 a-b). Châu Thuận là huyện Đăng-xương, Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, và huyện Phong-điền, Quảng-điền, Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên ngày nay. Châu Hóa là huyện Phú lộc, Phú-vang tỉnh Thừa-thiên, và huyện Duy-phước, Hòa-vang tỉnh Quảng-nam ngày nay (*K. đ.*, q. 1 tờ 28 a).

Năm 1375, vua Trần Duệ-tông đổi phủ Lâm-bình (Địa-lý cũ) làm phủ Tân-bình (*K. đ.*, q. 10, tờ 36 b). Năm 1414, nước ta nội thuộc nhà Minh, người Tàu đặt làm hai phủ Tân-bình và Thuận-hóa (*K. đ.*, q. 12, tờ 40 b-41 a). Đầu đời Lê (1428) đổi làm lộ Tân-bình, Thuận-hóa, thuộc đạo Hải-tây. Năm Quang-thuận thứ bảy (1466) làm Thuận-hóa thừa-tuyên, coi hai phủ, bảy huyện, bốn châu. *Hoàng-Việt địa-dư* (tờ 1 b) nói «Thuận-hóa bấy giờ phía tây giáp Ai-lao, phía đông giáp bể, phía nam giáp Quảng-nam, phía bắc giáp Nghệ-an. Hoành-sơn liền dẫy làm thành, sông lớn chắn ngang làm cõi. Núi cao bể rộng, thực là một nước có thể hiểm trở tự giới cho. Từ Lý Trần đến đây, phong-hội chưa khai-thông, tục phác-dã mà quê mùa, dân ít-ỏi mà vắng-vẻ, một cõi xa-xôi, còn là dị-vực (cõi đất khác). Đến khi thời giới đã đổi, vận đất mỗi ngày mỗi mới: quê mùa hóa làm anh hoa, hoang-râm hóa ra phồn-diễn, đầu đời Lê đã thành cự-trấn, sau khi trung-hưng (khoảng năm 1533-1548) thực là một cõi hùng-phiên, hơn 200 năm nay thành một đô-hội lớn, vẫn biết là thiên vận tuần-hoàn, nhưng thực là tự phong-cảnh mỗi ngày mỗi mở-mang».

Năm Hồng-đức thứ 21 (1490) đổi làm xứ Thuận-hóa, lĩnh hai phủ Tân-bình và Thiệu-phong. Trong đời Hồng-thuận (1509-1515) gọi là trấn Thuận-hóa (*K. đ.*, q. 21, tờ 24 a).

Tháng mười năm mậu-ngọ (1558) chúa Nguyễn-Hoàng (1558-1613) phụng mệnh vua Lê vào trấn Thuận-hóa: bọn hương-khúc ở huyện Tống-sơn và Nghĩa-đăng (Thanh-hóa) đều vui lòng đi theo, dựng dinh ở làng Ái-tử (thuộc huyện Vũ-xương, nay gọi là Đăng-xương tỉnh Quảng-trị) Những quan-lại bản-tri của nhà Lê đặt ra, đều theo tiết-chế chúa Nguyễn: chúa Nguyễn vỗ-về quân dân, thu-dụng hào-kiệt, bớt nhẹ sưu-thuế, lòng dân duyệt-phục. Thuở bấy giờ gọi là Tiên-chủ (*Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, q. 1, tờ 6 b). Tiên-chủ gây nền cõi nam, có cả đất Thuận-hóa, đất

Quảng-nam, đổi huyện Kim-trà làm huyện Hương-trà, huyện Đan-điền làm huyện Quảng-điền, huyện Tư-vang làm huyện Phú-vang, huyện Vũ-xương làm huyện Đăng-xương, trích một huyện Điện-bàn thăng làm phủ, cho sáp-nhập vào Quảng-nam (*Đại-Nam nhất thống chí*, q. 2, tờ 6 b).

Năm canh-ngọ 1570, chúa Nguyễn-Hoàng từ Tây-đô (Thanh-hoa) về Thuận-hóa, dời kinh-đô đến làng Trà-bát (Thuận-châu, thuộc huyện Đăng-xương). Năm ấy chúa Nguyễn kiêm lĩnh hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam. Thuận-hóa bấy giờ có hai phủ, chín huyện và ba châu. Phủ Tiên-bình (trước là Tân-bình) lĩnh ba huyện (Khang-lộc, Lệ-thủy và Minh-linh) và một châu, là châu Bố-chánh. Phủ Triệu-phong lĩnh sáu huyện: Vũ-xương, Hải-lăng, Quảng-điền (trước là Đan-điền), Hương-trà (trước là Kim-trà), Phú-vang (trước là Tư-vang), Điện-bàn, và hai châu là châu Thuận-bình và châu Sa bôi (*Đại-Nam thực-lục, tiền biên*, q. 1, tờ 8 a-b). Thế là Thuận-hóa khi bấy giờ rộng từ phía bắc tỉnh Quảng-bình cho đến hết phủ Điện-bàn), thuộc tỉnh Quảng-nam bây giờ.

Năm canh-tí 1600, chúa Nguyễn-Hoàng dời kinh đến phía đông dinh Ái-tử, tức bấy giờ gọi là Cát-doanh (*Đại-Nam thực-lục, tiền-biên*, q 1, tờ 19 b); L. Cadière, *Les résidences des rois de Cochinchine. Annam, avant Gia-long*, đăng ở *Bulletin de la Commission archéologique de l'Indochine*, 1914-1916, trang 103-185).

Tháng ba năm bính-dần 1626, chúa Nguyễn-phúc-Nguyên (1613-1635) dời dinh đến xã Phước-yên, thuộc huyện Quảng-điền phủ Thừa thiên, gọi chỗ chúa ở là phủ (*Đại-Nam thực-lục, tiền-biên*, q. 2, tờ 9 a), lấy đất nam Bố-chánh, đặt ra dinh Bố-chánh, lấy sông Linh (tức sông Gianh) làm cõi; còn đất bắc Bố-chính thì sáp-nhập về Nghệ-an (*K. đ.*, q. 21, tờ 24 a).

Tháng 12 năm ất-tỵ 1635, chúa Nguyễn phúc Lan (1635-1648) dời công phủ đến xã Kim luông (Kim-long) thuộc huyện Hương-trà phủ Thừa-thiên. Trước kia chúa Nguyễn-phúc-Nguyên từ Cát-doanh dời đến Phước-yên; vì đất Phước-yên chật hẹp, ngài cho xã Kim-luông có hình-thế núi sông bèn sai sửa-sang cung-thất, xây thành quách, đến tháng 12 năm 1635 mới dời đến (*Đại-Nam thực lục*, tiền-biên, q 3 tờ 4 a) Việc này quyển *Quốc-triều sử toát-yếu* (q. 1, tờ 15 a) và quyển *Hoàng-Việt giáp tí niên-biểu* (q. hạ, trang 153) chép vào tháng 12 năm bính-tí 1636, thì không đúng: chính là tháng 12 năm ất-tỵ 1635 mới phải, vì tháng 10 năm 1635 chúa Nguyễn phúc-Nguyên mất, chúa Nguyễn-phúc-Lan nối ngôi ngay tháng ấy, nhưng vẫn lấy hiệu của cha, sang năm 1636 mới gọi là nguyên-niên, cho nên các sách hay chép nhầm vào năm 1636 là năm của chúa Nguyễn-phúc-Lan (L. Cadière, *Les Européens qui ont vu le vieux Huế*, đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux Huế*).

Tháng bảy năm đinh-mão 1687, chúa Nguyễn-phúc-Trăn (1687-1691) lấy phủ cũ làm miếu đức Thái-tông (Nguyễn-phúc-Tần), dựng phủ mới ở xã Phú xuân, thuộc huyện Hương-trà, tức là kinh-thành Huế bây giờ, lấy núi đằng trước làm án, tức là núi Ngự-bình bây giờ, đắp tường, dựng điện, phía trước đào ao, trồng cây hoa, cách-thức đẹp đẽ; lại vì có dòng nước sông ở trên chảy giốt về phía hữu, sai đắp đập ở bờ sông để ngăn (*Đại-Nam thực-lục tiền-biên* q 6, tờ 4 b 5 a).

Tháng tư năm giáp-tí 1744, Nguyễn đăng Thịnh đăng biểu xin chúa Nguyễn phúc-Khoát (1738-1765) lên ngôi vương, ngài khiêm-tốn, không nhận, các bày-tôi hai ba lần cố xin, ngài mới nghe. Ngày canh-tuất đúc ấn quốc-vương. Trước đây giây-má việc quan,

(*Xem tiếp trang 18*)

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG
(Histoires extraordinaires)
của Edgar Poë
Bản dịch của Mộng Huyền
Giá 4$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC
của NG. HƯNG PHẤN
Giá 2$20

TRIẾT HỌC ARISTOTE
của NG. ANH NGHĨA
Giá 3$80

LÝ TAO
của KHUẤT NGUYÊN
Giá 6$00
Bản dịch của Nhượng Tống
Sắp có bán

Chính Trị Đại Cương
của NG. PHƯƠNG NAM
NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lanhbiot — Hanoi

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
(1900-1940)

Số 1

LÊ-THANH

MƯỜI LÂM NĂM GIỮA HAI ẢNH - HƯỞNG HAY LÀ THỜI KỲ BÀN - GIAO CỦA HAI THẾ-HỆ

Trước khi tìm những đặc sắc của văn-học Việt - nam, xem nó phong phú thế nào, tương lai của nó sẽ ra sao, ta hãy truy-cứu cái uyên nguyên của nó.

Nó được đúc chuốt bởi :

a) cái tinh thần của văn hóa Đông-phương, nói họp lại là cái văn-học Trung-hoa;

b) cái tinh thần của văn-hóa Tây - phương, hay là cái văn - học Pháp.

Thêm vào đấy ảnh hưởng cái di-sản trí-tuệ của tiền nhân.

Trong một khoảng mười lăm năm (1915-1930) không kể cái ảnh hưởng bất di-dịch thứ ba, hai ảnh hưởng trên tranh giành nhau để lấy hơn kém; văn hóa Đông phương tuy đã bị người ta rẻ-rúng đôi phần nhưng với sức-mạnh và địa-vị cố-hữu của nó, ta vẫn thấy cái tinh thần của nó phảng phất ở hầu cứ một địa hạt nào, cái văn hóa Tây phương thì ào ào chảy mạnh như một luồng nước lũ chan hòa khắp mọi nơi

Phân-tích tinh thần văn-hóa Đông Tây

Sùng thiên-lý, dựa vào đời sống thiên nhiên, văn-hóa Đông-phương gốc ở đạo đức và luân lý. Trời rồi đến vua-tôi cha-con, vợ-chồng, anh em và bè-bạn. (ngũ luân) Cái

> **Thống chế Pétain đã nói :**
>
> *Công-nhận cho người ta những quyền - lợi mà không bắt - buộc họ phải có bổn phận. Ấy là làm hư-hỏng họ đó.*

bản tính của nó là tĩnh và giản-dị, mục đích là mưu một cuộc đời hòa bình, không ưa sự thay đổi, hưởng nhiều an lạc. Người Đông-phương, trước mọi việc ý niệm bằng trực giác, ý niệm một cách cụ-thể và tổng-quát.

Văn-hóa Tây-phương trọng sự sống, bản tính của nó là động. Ưa sự chiến đấu với thiên nhiên, với người, với mình. Mục-đích của nó là mưu cuộc tiến hóa về phương diện tinh thần và vật chất. Người Tây phương, ý niệm bằng lý trí, phân tích để đi từ cái cụ-thể đến cái trừu-tượng.

Trên đây là một vài đặc tính của mỗi văn-hóa nó là những đặc-tính căn-bản của hai văn-học đông và tây; từ những đặc tính căn bản ấy, chúng tôi muốn nghiên - cứu một cách rành rẽ hơn để sau này có thể do đó mà tìm cách rút ngắn con đường tiến hóa của văn học mình.

Văn học đông phương — đại biểu là văn - học Trung hoa — *vì « gốc ở đạo đức và luân lý » nên thiếu tinh thần đại đồng* (1)

Tinh thần đại đồng là gì ?

Lấy thí dụ bốn câu thơ trong một bài thơ tuyệt tác của Lamartine :

« Mais pourquoi m'entraînez vers ces scènes passées
« Laissez le vent gémir et le flot murmurer
« Revenez, revenez ô ! mes tristes pensées !
« Je veux rêver et non pleurer.

« les premiers Regrets »

Tôi nhớ đã có người dịch :

Sao lại cứ vẫn vơ chuyện cũ
Lặng yên cho sóng gió kêu than
Mạch sầu lai láng khôn hàn
Muốn đem mộng cũ gẹp hàng lệ sa.

Kẻ dịch như thế đã gần đúng nghĩa, nhưng chỉ đúng nghĩa, còn cái tinh thần của nguyên văn, mấy câu thơ ta đã không là được một phần. Thiếu cái tinh thần của văn tây vì nhà văn-ta đã bỏ hết những chủ-từ không dịch : « Ôi ! những ý nghĩ buồn rầu của *tôi* ! Sao lại cứ đem *tôi* lại với những chuyện cũ, ngươi hãy để yên cho sóng gió kêu than. *Ngươi* hãy giở về đây với *tôi* ! *Tôi* muốn mộng, chứ không muốn khóc ». Những chủ-từ ấy có một quan hệ mà người dịch không ngờ; bỏ nó đi người ta đã làm mất hẳn cái tính cách riêng của một người, của một tâm hồn, và chỉ một người và một tâm hồn thôi, trong câu thơ.

Vì những chữ *tôi* ấy, người đọc thơ tưởng chính mình là chủ động, những tình cảm giải trong thơ chính là tình cảm của mình.

Trái lại, đọc bốn câu thơ dịch của ta, tôi nhận thấy cái đặc sắc « phi-ngã » của nó. Ai vẫn vơ chuyện cũ, ai muốn để yên cho sông gió kêu than, mạch sầu của ai, ai muốn đem mộng cũ dẹp hàng lệ sa? Tôi không biết (2). Đọc lên, nếu tôi không phải là thi-sĩ, tôi chỉ biết vai chủ-động không phải là tôi mà là một người có cái tâm hồn tinh tế hơn tôi, thế thôi.

Tôi có thể trích ra đây nhiều thí dụ nữa, những thí dụ nó tỏ rằng nhà văn Việt nam, hay là nhà văn Đông phương cũng vậy, trong khi làm văn cố ý tránh việc đem cái *tôi* ra giải trên trang giấy, làm thế nào khi người đọc văn của mình có cảm tưởng rằng người làm văn không phải mình, người đọc văn ấy tưởng vai chủ động trong văn chương cũng không phải mình mà là một người khác mình ở tài chí hoặc tình cảm. Vì cái đặc tính ấy, người ta bảo rằng văn học Đông phương thiếu tinh thần đại đồng.

Nói thế thì hình như là một sự vô lý vì tinh thần đại đồng là cái bản thể của nhân loại. Mỗi một người đều mang hình thức và tinh tình của cả loài người. Anh sung sướng thì anh cười, anh reo; anh tuyệt vọng về tình thì anh than, anh khóc. Tôi cũng thế, và đã là người thì ai cũng thế.

Nhưng đó là sự thực. Có vì văn học của Đông phương, như đã nói trên, gốc ở đạo đức và luân lý, mà đạo đức và luân lý đông phương không tha thứ một người nào dù người ấy là nhà văn học, đem cái bản năng của mình, hay nói rộng ra là cái bản năng của loài người tỏ ra một cách « thực thà và trơ trẽn ». Nó cũng không công nhận một nhà văn — mà đúng lý phải có một cái tâm hồn trong trẻo — đóng vai một kẻ hạ cấp, tả cái đời sống của hắn, giãi những niềm tâm sự của hắn (theo như Victor Hugo viết tiểu thuyết « những kẻ khốn nạn » (les Misérables). Vì vậy, văn chương đầy dẫy xung quanh hắn là của những ai chứ có phải của hắn và những người như hắn đâu.

Trái lại, ở văn học Pháp, đọc một tác phẩm là ta thấy có cái tinh thần đại đồng. Những nhà văn lãng mạn: Chateaubriand viết *René* Lamartine viết « Graziella », Hugo « Les Misérables », cho đến cả những nhà văn cổ-điển Racine, Corneille — tuy Corneille vẫn có tiếng là nhà văn chỉ sáng tác những siêu-nhân — đọc tác-phẩm nào cũng chan chứa cái tinh nhân-loại, cái tinh thần đại-đồng.

Cũng vì cái « gốc ở đạo-đức và luân lý » — mà luân lý thì gồm trong năm « đạo thường » là vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè, — nên văn học đông phương *có tinh thần* đặc biệt là thiên về chủ-quan.

(*Còn nữa*)

LÊ-THANH

1) Về tinh thần đại đồng và tinh thần khúc triết của hai văn học đông và tây đọc bài « Hoa-văn và Pháp văn không gặp nhau ở chỗ nào » mà ông Hồ xanh đăng trong báo Tin văn số 14 ngày 6-11-1935. Chúng tôi đã rút tài liệu trong bài này

2) Hoặc chỉ đoán mới biết.

HỌA BÀI « NGẪU ĐỀ »

của Đà Vân Đài

(T T. số Thi Ca tập ba 135)

Cuộc đời là lụy tự ngàn xưa
Cái giấc Nam kha đã quá trưa
Mù mịt đường mây khi nổi gió
Lênh đênh bể ái lúc sa mưa
Ai cười tầm chết tơ còn vướng
Ai khóc hoa tàn cánh vẫy nhơ
Trăm khéo nghìn khôn vào một lụy
Khóc cười chung một tiếng ơ hờ

CÁCH CHI

Ngẫu thành

(Dịch thơ Nguyễn Trãi)

Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư,
Giác lai vạn sự tổng thành hư.
Như kim chỉ ái sơn trung trụ.
Kết ốc hoa biên độc phụ thư.

Dịch:

Trên đời một giấc kê vàng,
Tỉnh ra sự vật muôn vàn ra tro.
Trong non chỉ những hẹn hò.
Dựng lều bên khóm đọc pho sách nhà!

Thi-Nham ĐINH GIA THUYẾT

Thăm dấu người xưa : Cố Lê vong thần

Lê-Quýnh
(1750-1805)

Số 3 TIÊN-ĐÀM

Tháng tám, từ cửa ải đến châu Nam-ninh, đến tháng chín, được lệnh của quan Quảng-tây Tả-giang đạo Tống Văn Hinh dụ nên rốc tóc cải trang cho tạm yên.

Bọn Lê-Quýnh bày tỏ chí nguyện cốt mong chờ Phúc khang An, chứ không phải mong tỵ nạn chạy; tuy được lượng trên dung nạp, song bản tâm không muốn được thế. Nếu quả đã phong cho Nguyễn Huệ rồi thì bọn Lê Quýnh xin lui về, nguyện làm Nghiêm tướng-quân đầu vậy.

Quan chức tâu lại hứa cho được phục thù nhưng vẫn khuyên cắt tóc, cả bọn nhất quyết không nghe.

Thấy thế, quan Hữu-giang đạo bức bách bọn Lê Quýnh hai ba lần nữa rồi bắt chia ra ở mỗi người một nơi, duy có Lê Quýnh. Hiệp-trấn Nguyễn mậu Nỗ, Tri phủ Nguyễn Tùy, Trịnh Hiến, chỉ huy sứ Siêu lĩnh bá Lê Trị, Hàn lâm cung phụng Lý Bình Đạo quyết lòng kháng nghị đến chết. Quan Đạo-dài thấy không ép được mấy người ấy, bèn đem những bọn đã bị cắt tóc đến an trí ở khánh-viễn phủ. Ngày 21, tháng chín, Nguyễn Tùy bị bệnh chết ở Ninh-minh.

Đến tháng 10 nhà Thanh cho đưa bọn Lê Quýnh năm người đến Liễu châu ngày 22 tháng ấy, Nguyễn mậu Nỗ ốm chết ở Liễu châu, còn Lê Quýnh với ba người tìm sang Ngô-châu yết kiến Phúc-khang-An trình bày tình cảnh gửi chân, thời vừa được tin Nguyễn-Huệ đã thâu thành, nộp cống, và Phúc-khang-An đã thụ hàng, lại tiếp ý chỉ của vua nhà Thanh như sau đây : « Các ngươi sao dám nêu lên hai chữ cương thường mưu sự giảo-hoạt, cổ hoặc lòng người, trái với ý định của Thiên-triều ? »

Lúc ấy không có người thông ngôn. Bọn Lê Quýnh lấy giấy bút đáp lại rằng : Trộm nghe Thánh-nhân chế ra lễ để phòng-phạm nhân-tâm. Lễ không gì lớn bằng phận, phận không gì lớn hơn danh. Nay xét Nguyễn Huệ cường thịnh, phận nên được, lại được chân phong, để tuyên chính danh vị, bọn Lê quýnh há dám vì danh mà phạm đến phận sao ? Song vận hưng-phế từ cổ vốn thế, mà cương thường thì cổ kim không khác, bọn Lê Quýnh thờ họ Lê, chẳng may nước mất, vua chạy, song hết sức chân tay, bày lòng trung nghĩa, như Trương Lương phù nhà Hán, Bao-Tư khóc sân Tần, cổ nhân từng làm, nay bọn Lê Quýnh này vì nước cũng theo thánh giáo và thuận nhân tình vậy ». Lệnh trên dụ : đã đến đây thì ở chờ Trung-đường (tức Phúc khang An) tâu lên, sẽ theo như Phan Khải Đức mà thu dụng ».

Bọn Lê Quýnh hèn trần tình rằng Phan Khải Đức là người của họ Nguyễn (tức Tây-sơn) theo hàng, không có nỗi quân ân phải báo, chỉ mong lập công danh nên có thể biện dụng thế được, còn bọn Lê Quýnh là cô thần của Lê thị không thể bì như Phan Khải Đức được. Nay cho ở nội địa không phải là ý nguyện, đối với quốc sự chẳng dám nói đến là chẳng trung; bỏ gia-nghiệp không trông nom là bất hiếu, phụ kẻ đồng tâm tuẫn quốc là bất nghĩa, quên kẻ cô quả mong mỏi là bất nhẫn, vì nước hóa thành bán nước, đỉnh thân hóa ra ẩn thân là bất dũng, kiêm cả sáu điều ấy sao đáng làm người. Trung quốc tuy rộng, nhưng không có nơi dung hạng cẩu-trệ thế được.

Vả lại bọn Lê Quýnh không mong sang đây lánh nạn, huống chi lại không phải tự vượt bể, qua quan ải sang đây, mà là do lệnh tuyên triệu, nay lại không cho về, và bắt ở chốn này làm nơi giam lỏng, làm nơi sống chết nếu bắt theo mệnh lệnh tức như tổ đã vỡ trứng cũng chẳng lành, Lê thị không khôi phục được, đành xin cho được chết ở nơi đất cũ để tỏ tấm lòng trung; nên để cho chết ở đây thì không khỏi phụ lòng toàn-sinh của bề trên vậy. »

Ở chờ ít lâu, lại được dụ đã tâu trình và khuyên nên sang Quế-lâm phủ đợi lệnh.

Tháng chạp, đến Quế-lâm, cuối tháng lại sang Quảng-Đông tỉnh thành.

Năm Canh-tuất (1790) tháng giêng, nghe tin quốc vương ở Quế lâm, phụng mệnh theo đường Quảng-tây tiến kinh; Lê Quỳnh cũng theo đường Quảng đông qua Giang-tây tiến kinh; tháng ba đến Duyện châu, nghe xa giá sang-đông, lại đi sang Thái an hành-cung; quan Trung-đường xét hỏi, đến ngày mồng 4 được dẫn kiến và dụ rằng: « Bọn ngươi không lấy thịnh suy làm thay đổi, hết lòng trung nghĩa, trẫm không nỡ gia tội (!) lại được quân-cơ đại thần (Hoà-Thân?) bảo tấu: bọn ngươi tiến không làm được Bao-Tư, thoát tất bị Nguyễn Huệ làm hại, tình đáng thương hại, hãy đến kinh đô rồi về cố lý sau ».

Ngày 23, sang Hình bộ, cho ra ở Lôi-thần miếu, lại được quan Trung-đường dụ bảo róc tóc và thay đổi tên họ, dụ rằng: « Chú các ngươi đã được chức quan Tam-phẩm, cũng cho các ngươi ngũ, lục phẩm, các ngươi đã bằng lòng chưa? »

Bọn Lê Quỳnh trình: « Hiếu trung khó vẹn, nay nghĩa trung quân chẳng được, xin lui về cố quốc, còn cha mẹ già, chưa con nối dõi để giữ chữ hiếu vậy. Nếu nay vâng lệnh ở liều, trung hiếu đều lỏng cả, thì thật là phường cẩu trệ! Thiên triều còn dùng làm gì hạng người ấy mà ban cho quan chức? Trộm nghĩ: quan duy hiền, sự duy năng, tước để đền công, lộc để khuyến trung, bọn Lê Quỳnh này không hay ưu nạn cho chủ, không những phi hiền, phi năng lại vô công và bất trung, vậy nay chịu tước lộc là điều không dám và cũng không mong ».

Lại dụ rằng: « Chủ ngươi ở đây, các ngươi không theo, có là trung không? ».

Quan lại nhà Thanh lại lấy danh nghĩa cố chủ mà khuyên nên róc tóc, Lê Quỳnh khóc nói: « bọn Lê Quỳnh sống làm tôi Lê, chết làm quỷ Lê, không dám mong khác, dù lệnh chủ nữa, song là lệnh bên ngoài, thâm-tâm không thể, Quỳnh nguyện theo tâm-mệnh mà thôi ».

Dỗ mãi không được, lệnh trên lại sai sang Hình bộ giam cầm chia mỗi nơi hai người, không được thông tin.

Đến tháng sau, lại sai bọn Đinh nhạ Hành, Nguyễn quốc Đống vào ngục khuyên nên róc tóc. Lê Quỳnh nói rõ bền lòng giữ tiết thờ vua không sao lay chuyển, bọn Nhạ Hành đành phải bỏ đi.

Tháng một, quan coi quân Hoàng Kỳ đem con Lê Quỳnh là Lê doãn Kim vào ngục cùng với quan Hình bộ khuyên Lê Quỳnh róc tóc, Quỳnh nhất quyết không nghe và đuổi con về.

Tháng chạp, thượng-thư Hồ-Quỳ-Đường truyền rằng: « Nếu không chịu róc tóc thì già dời ở trong ngục. » Lê Quỳnh nhất định không nghe, lại bị giam cầm 4 người một chỗ.

Năm Tân-hợi (1791) được tin quốc vương ở Đông-thành gần Quốc-tử-giám. Lê Quỳnh nhờ quan coi quân Hoàng-Kỳ vay dùm; tháng ba, Nguyễn quốc Đống mang cho tiền chè, song đến ngục bị nghiêm cấm không vào được.

Tháng sáu, được tin các bầy tôi cũ đều bị phát vãng an trí; Hoàng Ích Hiếu đi Y lê, Phạm như-Tùng đi Hác-long-giang, Ng. quốc Đống đi Cát-lâm, Lê Hàn đi Phụng-thiên, còn Nguyễn hữu Liễn Nguyễn viết Triệu đi Nhiệt hà, tin tức không sao thông nhau được.

Năm Nhâm-tý (1792) tháng năm, quan Quân-cơ đại thần cho đòi Lê Quỳnh vào Nội vụ phủ hỏi rằng: « Ngươi nói rằng họp đồng chí để khôi phục, nay đồng chí có bao người, như thế cố chủ là Lê duy-Kỳ có nên thờ nữa không? » Quỳnh đáp: Nhà Lê làm vua hơn 400 năm, thâm ân hậu trạch, dân rất đội ơn, nay Thiên triều nêu nghĩa phù Lê, người nước đều là đồng chí, cố chủ sang Bắc, Quỳnh ở nhà triệu tập cựu-thần, thế tộc, thổ hào, cũng không phải ít, đến nay đã hơn 8 năm âu cũng là thiên mệnh, lòng dạ đổi thay thật không dám quyết đến nay còn lại bao người. Đến như em cố chủ nay còn giữ một phương chống với Nguyễn thị (Tây sơn) song chỉ sợ kê nông, sức cạn, không biết có tránh khỏi họ Nguyễn (Tây-sơn) diệt không!

Năm Quí-sửu (1793) quan Hình-bộ lại hỏi về Lê-duy-Vụ, Hoàng-văn-Tường, Nông Phúc Tân là ai, nhân lại nhắc đến chuyện khuyên róc tóc, Lê Quỳnh đáp; nay 7 năm đã qua, việc cũ không thường mái đầu đã bạc, vậy xin lượng hải hà cho được nguyên vẹn về nước thì dù thịt nát xương tan cũng không giám quên ơn.

Năm đinh-tị (1797) tháng chạp, nhân thấy quan coi ngục là Hoàng-lão-Gia có lòng ưu đãi, Lê Quỳnh làm giấy kêu, đại ý nói mong lượng trên xét tấm lòng kẻ cô-thần vong quốc, 8 năm bị giam ở ngục, chỉ mong giữ được tiết đối với cố chủ, không phải hạng vong ân bội nghĩa tư đồ danh lợi hay là hạng tham tất phụ vong mạng.

Năm Kỷ-vị (1799), tháng giêng, ngồi nhốt mình trong ngục cám

(*Xem tiếp trang 14*)

ĐAN-THIỀM

Các người đừng vọng-động. Để Hoàng-hậu nằm nghỉ.

VIÊN TƯỚNG chỉ-huy

Hoàng-hậu, ông coi như mỡ tép.

Hoàng hậu mở mắt ra chết khiếp rú :

— Trời ơi ! quân giặc ! Ôi thánh thượng (nấc chết) Thiếp theo đây.

Hoàng-hậu chết

VIÊN TƯỚNG chỉ-huy

Quân bay vào bắt lũ cung-nữ trước.

Bọn CUNG-NỮ quỳ xuống.

Trăm lạy tướng quân, chúng tôi không có tội gì. Xin tha cho ! Thân chị em không dám tiếc.

Viên tướng (Ngắm nhan sắc bọn cung nữ.) Ta vâng tướng lệnh vào bắt các người.

KIM-PHƯỢNG

Chị em chúng tôi không có tội gì. Xin tướng quân sinh phúc. Nguyện xin nâng khăn sửa túi. (Đan-Thiềm bĩu môi thở dài) Kẻ đầu têu hay súc-siểm vua là ả kia (chỉ Đan-Thiềm) Chính nó mê hoặc vua. Chính nó dan-díu với Vũ-như-Tô, lắm uế tập nơi cung cấm. Chính nó là thủ phạm.

Bọn CUNG-NỮ

Chính nó là thủ phạm !

ĐAN-THIỀM

Lũ yêu-quái, không được đặt để nên nhời, tướng quân nên thấu cho. Tôi không sợ chết, nguyện xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính, tôi nói thế không hổ với quỷ thần hai vai, không hổ với thanh thiên bạch nhật.

Bọn CUNG-NỮ

Chính con Đan-Thiềm là thủ phạm.

Trông họ lẳng lơ. Bọn quân giặc như bị quyến rũ.

VIÊN-TƯỚNG chỉ huy

Ta đã biết ! Quân bay vào bắt lấy gian phu dâm-phụ tây-uế miễn đường.

ĐAN-THIỀM

Tướng-quân không nên mê hoặc.

VŨ-NHƯ-TÔ

Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.

ĐAN-THIỀM

Tướng-quân nghe tôi. Bao nhiêu tội, tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng-quân tha cho Vũ tiên-sinh. Tiên-sinh là một người tài...

Quân giặc cười ầm.

Thế mà còn mở mồm cãi. Mày chết để chồng mày sống à ?

ĐAN-THIỀM

Các người chỉ nghĩ những điều quay quắt.

QUÂN-GIẶC

Chúng ông chỉ có thể. con đĩ già câm miệng.

VIÊN-TƯỚNG chỉ huy

Trói cổ nó lại.

ĐAN THIỀM quỳ xuống

Tướng-quân tha cho Vũ tiên-sinh. Nước ta còn cần nhiều thợ tài để tô điểm.

VIÊN-TƯỚNG cười ha há

Cần thợ tài để tô-điểm. Để hạo hụt công khố, để dân gian lầm than.

VŨ-NHƯ-TÔ

Đan-Thiềm, bà đứng dậy. Sao bà lần-thần thế, bạ thân lậy một đứa tiểu nhân ?

ĐAN-THIỀM đứng dậy

Tướng-quân hãy nghe tôi, đừng phạm vào tội ác. Đừng giết Vũ-như-Tô. Kẻo tướng quân mang hận về muôn đời ! Tha cho Vũ tiên sinh. Tôi xin vui lòng chịu chết.

VIÊN-TƯỚNG truyền

Trói cổ con đĩ già lại

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

ĐAN-THIỀM

Tướng-quân tha...

QUÂN-GIẶC xúm vào trói nàng

Đừng nói nữa vô ích, con dâm phụ.

ĐAN-THIỀM

... tha cho Vũ tiên-sinh,

Viên-tướng thấy Như-Tô chạy lại:

Trói thằng Vũ-như-Tô lại.

Quân sĩ xông vào trói chàng có vẻ đắc ý.

ĐANTHIỀM thất vọng

Vũ tiên-sinh, chỉ tại tiên-sinh không nghe tôi, dùng dằng mãi. Bây giờ... (nói với viên tướng) xin tướng quân...

VIÊN-TƯỚNG

Dẫn nó đi, không cho nó nói nhảm nữa, rờm tai.

Quân sĩ dẫn nàng ra.

ĐAN-THIỀM

Vũ tiên-sinh ! Đài lớn tan tành ! Tiên-sinh ơi ! xin cùng tiên-sinh vĩnh biệt.

Họ kéo nàng ra tản nhẫn.

Cảnh VIII

Những người trên, trừ Đan-thiềm.

VŨ-NHƯ-TÔ

Xin đa tạ tấm lòng tri-kỷ. Đan-Thiềm, xin cùng bà vĩnh biệt (buồn rầu chấn tĩnh ngay). Đời ta chưa tận, Mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ-đại để tạ lòng tri-kỷ.

Viên tướng chỉ bọn cung-nữ bảo mấy tên quân.— Cho họ mặc giả làm quân, dẫn họ về dinh ta đợi lệnh.

MẤY-TÊN-QUÂN

Xin vâng mệnh (dẫn cung-nữ ra).

VŨ-NHƯ-TÔ khinh bỉ.

Mi thực là một tên bỉ ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương-thường !

VIÊN-TƯỚNG

Dẫn nó về trình chủ-tướng.

VŨ-NHƯ-TÔ đầy hy-vọng

Dẫn ta ra mắt An-hòa-hầu. để ta phân-trần, để ta giảng giải, cho người đời biết tỏ nguyện vọng của ta. Ta có tội gì ? Không ta chỉ có một hoài-bão là tô điểm đất nước, đem tiết tài chế ra xây cho nòi giống một tòa đài hoa-lệ, trách cả những công trình sau trước, tranh tinh-xảo với Hóa-công. Vậy thì ta có tội gì ? Ta xây Cửu trùng-đài có phải đâu để hại nước ? Không, không Nguyễn-hoàng-Dụ sẽ biết cho ta, ta không có tội. Và chủ tướng các người sẽ cởi trói cho ta, để ta xây nốt Cửu trùng-đài, dựng một kỳ công muôn thuở...

QUÂN-SĨ cười ầm

Câm đi ngay ! Quân điên rồ câm đi ngay, không chúng ông vả vỡ miệng đi bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu trùng-đài, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư ? Người ta oán mày hơn oán quỉ. Câm đi ngay.

VŨ-NHƯ-TÔ

Và cuối năm nay, đài Cửu-trùng sẽ hoàn thành cao ngất và huy-hoàng. và giữa cảnh tuần lạc lực một cảnh Bồng lai...

QUÂN-SĨ. — Câm mồm !

VŨ-NHƯ TÔ.—...sẽ xuất hiện...

QUÂN SĨ

Câm mồm ! (họ xúm vào và miệng Vũ-như-Tô)

VŨ-NHƯ-TÔ

Ta có thù oán gì với các người ?

VIÊN-TƯỚNG

Dẫn nó ra pháp trường. Không để nó nói nhảm trước mặt chủ tướng, mất thì giờ.

QUÂN-SĨ

Pháp-trường !

VŨ NHƯ TÔ

Không ! Dẫn ta ra mắt chủ tướng, Ta muốn nói chuyện với An-hòa-hầu. Các người không hiểu được ta.

Có tiếng ầm ầm như long trời lở đất.

MỌI-NGƯỜI

Cái chi nghe kinh người ?

Một lũ quân vào.

Cảnh IX

Những người trên. Thêm một lũ quân.

VIÊN-TƯỚNG

Chúng bay đi đâu ?

LŨ QUÂN

Bẩm tướng-quân ! Kinh thành phát hỏa !

VIÊN TƯỚNG—Ai ra lệnh ấy ?

MỘT TÊN QUÂN

Chính An-hòa hầu.

VŨ-NHƯ-TÔ

Chính An-hòa-hầu ! Thế Cửu-trùng-đài ?

LŨ-QUÂN

Cửu-trùng-đài ấy ư ? Đã tràng xe cát ! Cửu-trùng đài sắp là một đống tro tàn !

VŨ-NHƯ-TÔ — Vô-lý ! Vô-lý !

VIÊN-TƯỚNG

Rõ quân ngu-muội ! Đến đầu mày còn chả cháy, nói chi đến Cửu-trùng-đài ? Mà còn tin tưởng.

VŨ-NHƯ-TÔ

Đời ta không quý bằng Cửu-trùng-đài

QUÂN SĨ

Giống vật không biết nhục !

VIÊN-TƯỚNG — Dẫn nó đi.

Chợt có ánh lửa. Sáng rực cả Tàn than, bụi khói bay vào.

VŨ NHƯ TÔ nhìn ra rồi lên

Đốt thực rồi ? Đốt thực rồi ! Ôi đảng ác ! Ôi muôn lần cầm giận ! Trời ơi phù cho tài làm gì ? Ôi mộng lớn ! Ôi Đan-Thiềm ! Ôi Cửu-trùng-đài !

Có tiếng hô vui-vẻ : Cửu trùng đài đã cháy.

QUÂN SĨ

Thực đáng ăn mừng

VU-NHƯ-TÔ chua chát

Thôi thế là hết. Dẫn ta mau đến phát trường.

Màn hạ nhanh

(Hết)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Đã in xong

QUANG TRUNG

(lịch sử kỷ sự)

của HOA BẰNG

— Nhiều phụ bản do các họa sĩ tốt nghiệp trường Mỹ thuật vẽ giúp.

Giá 5$00

cước phí bảo đảm : **0$50**

Xin chú ý : Không gửi sách theo lối. lĩnh hóa giao ngân.

Số sách in có hạn, ngài nào cần mua xin gửi ngay mandat và tiền cước phí về cho :

Ô. Nguyễn tường Phượng

95 97 Chanceaulmé Hanoi

LÊ QUÝNH

(Tiếp theo trang 11)

cảnh sinh tình, có viết bài thơ « Bắc Hành tự tình » trên vách ngục, binh quan vào xem cũng tấy làm thương-cảm.

Trải mấy năm, Lê Quýnh bao phen bầy tỏ lòng trung với nhà Lê và than thân lưu-lạc giam-cầm hàng 10 năm, nhưng các quan nhà Thanh chẳng hề xét tới.

Đến tháng 11, nghe tin quốc-mẫu qua đời, rồi chẳng bao lâu Lê-vương lại băng, Lê Quýnh cùng Lê Trị, Trịnh Hiến và Lý Đạo có viết thư ai-điếu, lời-lẽ rất thống-thiết.

Năm canh thân (1800) tháng tư nhuận, ngày mồng bốn, Quýnh được thả ra khỏi ngục, nhưng phải an sáp ở phía tây cách kinh thành 12 dặm, được ăn mặc tự do, được ra lễ mộ phần vua cũ và được cho con đi lại thăm nom, nhân có làm thơ :

Nam quan nhi hệ thập dư niên,
Ưu ốc bồng chiêm giáng tự thiên ;
Trạc phát nan thù tân vũ lộ,
Hồi đầu khủng-phụ cựu sơn xuyên.
Trung hồn tha nhật dư ân bổ
Khổ tiết như kim tức tri tuyền
Hồng nhật phương thăng cao chiếu chúc
Mạc (?) giaa Ký-bắc hữu đề quyên.

dịch :

Thân tù đã ngoại mười năm,
Nước trời rảy tưới ướt đầm bấy lâu...
Dẫu rằng đếm tóc mái đầu,
Móc mưa ơn mới dễ đâu đền-bồi !
Ngoài trông nước cũ xa khơi.
Luống e Non Nước trách tôi phụ phàng !
Hồn trung nghĩa nặng còn mang,
Chỉ xưa giữ vẹn, tiết càng dẳng cay !
Vừng hồng cao rọi đó đây,
Sao cho Ký bắc bặt ngay cuốc gào... (1)

Tháng năm năm ấy quan trên đến dụ :

Hoàng thượng ban ân điển cho bọn ngươi ở đây, tiền lương đã có Hán-quân nhưng Hoàng-kỳ chiếu phát.

Đến tháng chạp, sang Bắc-tân-trang sái tảo vườn trầm của cố chủ, nghĩ đến tình xưa, lệ rơi như tưới. Lại bàn với Tả-tinh công là Lê duy-Ân mưu đem hài cốt cố chủ về nước, Lê duy-Ân cho hay đó là điều di-chúc của Lê-vương. Hai người mới cùng nhau làm sớ tâu tình nỗi khổ của kẻ cô thần vong-quốc nào cha già mong đợi chẳng được sum vầy, nào tình hiếu dở-dang, chưa bề nào xong bề nào cả, nào vua cũ, lúc sống không được trở về nước nhà, lúc chết đinh-ninh di chúc cố mang hài cốt về cố quốc...

Đến năm qui-hợi (1803) tháng giêng, nghe nói Tây-sơn là Nguyễn quang-Toản đã bị họ Nguyễn diệt, Quýnh lại làm biểu văn tâu trình, lệnh trên xét quả Lê Quýnh thật đáng thương tình.

Chờ đến tháng bẩy, nghe tin quốc hiệu An-nam nay đã đổi là Việt-nam và sứ-giả (của vua Gia-Long) cũng sắp đến kinh đô nhà Thanh.

Ngày 25, Lê Quýnh, cùng Lý Bình Đạo, xin phép rước linh cữu về nước.

Ngày 27 đến Trác-trậu, lại bị quan Tri-châu xét hỏi gửi lại, chờ mãi đến ngày mồng 2 thánh tám, có thượng lệnh cho bọn Lê Quýnh được về vì xét ra là đã do triều-đình nhà Thanh cho phép, chứ không phải là việc làm vụng trộm.

Lê Quýnh về nước, lui về điền viên, năm Giáp-tý (1804), nhân nhờ đến công ơn tiên tổ mà được toàn danh tiết, mới làm lễ tế ở Từ-đường, nhân có soạn một bài văn tế, nhời nhẽ lâm câu thống-thiết, trích dịch sau đây :

Một điểm nghĩ-minh, mười phần văn phụ,
Đạn lửa, gió vàng siết-siết, ở nước tích chi,
Ngọn nước, gốc cây man-mác, có nhà saa bỏ ?
Theo rồng trọn chẳng kịp rồng,
Giữ hổ hóa thành rẫm hổ.
Ngoài đồng trụ, chút thân đất khách, vạn lý tuyết sương.
Trong thiết thành, khổ đội trời chung, bao năm vân vụ.
Đầu rối bồng, luống phụ quân thân,
Lòng bứt-rứt, thẹn cùng kim-cổ:
Ba trăm năm ngôi Tống-gia quét đất, chê tiếng cuốc thẹn với Thiên-tường !
Mười chín thu tiết Hán sứ mờ sương, đằng-đẵng chăn dê, khác gì Tô Vũ.
Nhờ thần-uy quét sạch Tây sơn,
Nhờ tiên-ẩm lại về Nam-thổ,

Đoạn văn trên đã tả cái tâm sự của kẻ vong thần, mười mấy năm bỏ bá, quê người lận lội, đất khách gửi thân; ta không khỏi không ngậm ngùi cho thân thế của một kẻ bầy tôi gặp lúc quốc-phá gia vong mà vẫn bền lòng trung nghĩa, lại chịu khổ tiết cho đến khi đem được cái thân tàn về nước.

Lê Quýnh thật đáng đứng đầu bọn vong thần nhà Hậu Lê vậy.

(Hết)

TIỀN-ĐÀM

1) *Bản dịch của bạn Hoa Bằng.*

NAM DÀN BAT CHÂU THI THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN *đạo-nhận*

LIII

Phú đắc « **Buồn trông cửa bể chiều hôm, thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.** »

Phê-Kiều 18)

Thân lưu-lạc những quê người non nước,
Đoái xung-quanh mà trông trước ngắm sau.
Mênh-mông cảnh, vẽ nên sầu ;
Vàng đâu mặt sóng, bướm đâu chân trời.
Rằng ngược du xuôi : phương tế độ ?
Hẳn chìm hay nổi : bụi thiền-quyên ?
Bể kia gieo nặng lời nguyền,
Ôm cầm nỡ gẩy qua thuyền ai nghe.

Chú-thích

Vàng đâu mặt sóng = Trời tây bảng-lảng bóng vàng, » Bóng vàng tức bóng chiều.

Bướm đâu chân trời = Tây-hồ - tụng. « Thuyền thương khách chen buồm bươm-bướm. »

Bụi thiền quyên = « Bể trần chìm-nổi thiền-quyên. »

LIV

Phú đắc « **Nhờ tay tế-độ vớt người trầm-luân.** »

(Phê-Kiều 19)

Tháo cũi xổ lồng mấy lời đanh sắt.
Lọt tai nghe tay Phật có xa gì
Lạy Phật trăm lạy, nghìn quỳ,
Lênh-đênh khổ-hải quy-y từ-hàng.
Tiên tích-việt, tưởng nước dương hòa mực gửi ;
Ngựa truy-phong, nhằm non Thứu ruổi cưỡng trèo.
Ngờ đâu bình địa ba đào,
Ông Thích-Ca giả, dẫn vào mặt mo !

Chú-thích

Nước dương = Nói phép Phật : Giọt nước cành dương. »

Non-Thứu = nói cảnh Phật : « Thứu lĩnh bồ đề ».

LV

Cái sóng khuynh thành thơ.

(Phê-Kiều 20)

Lọc bao lớp, anh-hùng quần-tử,
Sóng khuynh-thành độc dữ, lại gì hơn !
Một cười đổi lấy nước non,
Trận hương đồ quân, làn son xiêu đình !
Áo thu-thủy chứa giây tình oan-nghiệt.
Bể Hải-đường nổng cõi sắc gió mưa.
Cầm chèo thì vững tay co,
Nguyệt hoa nhẫn khách sớm trưa bến Tề.

Chú thích

Lọc bao lớp = lọc bỏ mà khiến trôi đi, tức là nghĩa đào-thải. Thơ đề-từ sách Tam-quốc : « Lãng hoa đào tàn anh-hùng »

Một cười = Hán Lý Diên-Niên, giai-nhân ca : « Nhất tiếu khuynh nhân thành, tái tiếu khuynh nhân quốc »

Trận hương, làn son = hương bay như trận gió, son đềm như làn sóng, nói cái trạng-thái khuynh thành ; chớ đọc lầm là « làng son ».

Bến Tề = Tức Lâm-chi, xưa là quốc-đô nước Tề, nay thuộc tỉnh Sơn-đông. « Khách » là trỏ Thúc-lang,

LVI

Phú-đắc « **Dưới trăng quyên đã gọi hè đầu tường lửa lựu lập-loè đâm bông.** »

(Phê Kiều 21)

Oanh, đã già, đào đà phai thắm ;
Tiếng quyên nghe, bông lựu ngẩm vừa phen.
Năm canh nguyệt, bốn bề hiên ;
Lời thay xuân yến, sắc chen chu hà.
Hồn kêu gọi, hồn là hồn cố-quốc ;
Vẻ lưng-bừng, vẻ ấy vẻ tàn hoa.
Cảnh nào cảnh chẳng mặn-mà,
Nhớ quên cảnh nhà : Thềm quế cung trăng ?

Chú thích

Chu-hà = loài sen bông sắc đỏ.

Hồn cố quốc = Cổ sử : hồn Vọng - đế nước Thục hóa làm con đỗ quyên, năm canh thường kêu cuốc-cuốc.

Vẻ tàn hoa = ám-chỉ người yêu mới của Thúc-lang.

Thềm quế cung trăng = nói người chủ-trương cũ.

TÙNG VÂN

Khái luận và phê-bình thi ca cũ

NHÀ THƠ THUẬT-HOÀI

Thi nhân xưa không biết đến ái-tình. — Khinh thường thất bại và đau đớn. — Công-dụng thanh-cao của thơ diễn tả bình sinh chí khí của người thơ. — Yên-Đỗ, nhà thơ thuật hoài. — Cái « xuất khẩu thành trái » đã làm giàu cho thi-ca những lời thơ hùng tráng. — Tiếng khóc phi-thường của một người đàn bà. — Thiên anh-hùng-ca về Nguyễn-Huệ. — Thi nhân xưa và thi-sĩ nay

của HOÀNG THIẾU-SƠN

THUẬT hoài hay cảm khái, thi-nhân Việt rất ít nói đến ái-tình. Người xưa sống vì đoàn thể không sống vì cá-nhân.

Abel Bonnard cũng nói : « *Ở Âu châu, người ta chia lìa nhau ra, ở Á châu, người ta họp nhau lại, lẫn lộn vào nhau thành đoàn thể.* » (1)

Trong các thứ tình, thi-nhân chỉ trọng tình bạn (2). Rượu Nguyễn-Khuyến chỉ mua để Dương-Khuê uống, giường Nguyễn-Khuyến chỉ cùng Dương-Khuê ngồi, đàn Nguyễn-Khuyến chỉ gảy cho Dương-Khuê nghe, thơ Lệ-bích-Ngô chỉ thiết-tha tặng Phan-thanh-Giản.

Thi-nhân xưa, cơ hồ không biết đến đàn bà. Thảng-hoặc có biết đến cũng chỉ để mà thương. Thương gái giang-hồ mệnh bạc. Thương người cô-phụ trên bến Tầm-dương. Thương kẻ lìa chồng bên đường « *nhà lương* » (3). Không bao giờ để mà yêu ngoài người đức phụ mà thi nhân rất ít nói tới, đàn bà hình như đối với thi nhân chỉ là một vật mua vui. Ái tình là một thứ tình mới nhập cảng vào xã hội nầy với phong trào âu-hóa.

Đối với nhà thơ xưa, đàn bà không ngoài cô đầu, một hạng người mà hơn một thi sĩ đã liệt vào hàng « hoa nô ».

« *Kiền nhi năm bảy bọn, đồng tử bốn ba tên.* (4)

Không yêu, nên thi nhân không buồn rầu, không yếu duối. Bà « *Khóc Bằng-phi* » là một trường hợp tối đặc biệt trong thi đàn Việt nam.

Một nhà thơ khác bị tình phụ chỉ thét lên để chửi tình nhân chớ không khóc :

Khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào :
Khối tình cay đắng biết làm sao !
Muốn kêu một tiếng cho to lắm
Rằng hỡi ai ơi ! khốn thế nào ? (5)

Thi nhân Việt khinh thường những điều đau đớn. Những sự thất-bại trên đường đời hay trong trường tình đối với họ chẳng qua là một ván cờ, một « *cuộc tổ tôm* » :

Bực chẳng nhẽ anh hùng khi vị-ngộ
Như lúc đen chơi cuộc tổ tôm (6)
Đánh ba chén rượu khoanh tay độc
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười... (7)

. . . . . .

Ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch-bịch,
Người quân-tử ăn chẳng cầu no.
Đêm năm canh an giấc ngáy kho-kho,
Đời thái-bình cửa thường bỏ ngỏ. (8)

Không có một vật gì trong đời có thể làm cho thi nhân tha-thiết.

***

Làm thơ thuật hoài, họ hay tự-thuật chí khí, hơn là tự giải nỗi lòng. Phạm-huy-Hổ bình sinh chỉ có một mục đích : đòi Lưỡng Quảng lại cho nước Việt Nam. Di chúc của Người là hai câu thơ :

Vương sư bặc định Đông Tây Việt,
Gia miếu vô vong cáo nãi ông. (9)
Ngày nào hai Quảng mà khôi phục
Nhớ giỗ ông mày để biết cùng.

Công-dụng của thơ đối với người Việt Nam xưa rất lớn lao. Một vị anh-hùng ẩn dật (10), một bậc lão-thần ôm tấm cô-trung đối với cựu-chủ (11) đều làm một bài thơ, có khi chỉ làm một câu đối, để diễn tả tất-cả bình-sinh chí khí, để đem làm phương châm cho cuộc sống của mình, để nêu cao như một lý-tưởng bất-di, bất-dịch phải cố mà đạt cho kỳ được.

Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đá bắt có bền gan.

Thật chẳng còn gì tha-thiết, cảm-động hơn một bài thơ *Bán than*.

Bao nhiêu thi phẩm của Nguyễn Khuyến đều là thơ tự thuật. Sinh thời Yên-đỗ rất đau đớn vì những nỗi tang thương, cảm hứng đã đến với người khi người ngẫm đến cuộc hưng phế. Nên người đã để lại một bài thơ tâm huyết là bài *con cốc* :

Khắc khoải sầu đưa giọng lẳng lơ,
Đêm hồn Thục-đế thác bao giờ.
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi?
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?
Ban đêm ròng rã kêu chi đó?
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ!

Người làm quan đến Sơn-Hưng Tuyên tổng đốc những người xin về thi sĩ để dạy học trò, để « *chén chú chén anh* » với phỗng đá (11) để như anh chàng giả điếc (12) « *Đắp tai ngắm mặt làm ngơ* ».

Khỏi phải chen chân vào đám bụi trần, khỏi phải đợa đầy vì đồng bạc trắng — (13) người như « *gái hỏa* », người đã van lơn, khẩn cầu :

Lấy chồng thì gái già này xin van (14).

Dương Khuê từ trần, người biết đã mất bạn tri-âm và người đã cho Dương Khuê « *chán đời là phải* ». Vì người chỉ muốn như « *mẹ mốc* » giữ lấm lòng :

Sạch như nước, trắng như ngà
Trong như tuyết,
Mảnh gương tinh vằng vặc
Khó g nhờ.

Người rất không muốn lên sân khấu cuộc đời đóng một vai « *phường chèo* » (15).

***

Tản Đà, một nhà thơ kém trầm lắng nhất trong các thi sĩ Việt-Nam đã tự khen tặng :

Lời văn chuốt đẹp như sao sáng,
Khí văn hùng mạnh như máy chuyển,
Em như gió thoảng! tình như sương
Đằm như mưa sa, lạnh như tuyết (16).

Một ông đồ làm thơ chỉ đắc chí nhất khi được người đọc khen một câu : « *lời đẹp, ý hùng* ».

Một văn sĩ Pháp đã nói : « *Văn tức là người* ». Thi nhân, văn nhân ta tin tưởng chân lý ấy không phải như tin vào một sự thật về văn-chương, mà như tin vào một sự dị-đoan.

Một danh nho Tàu cũng nói :

« *Văn chương là tâm khí của hiền nhân ; tâm khí vui thì văn chương chỉnh; tâm khí trái thì văn - chương không chỉnh* ».

Một bài thơ có thể xem như một lời sấm, một điềm ứng vào hậu lai, một lá số để xem hành lược của người thơ. Cái « *xuất khẩu thành trái* » ấy người ta bảo đã nhiều lần ứng nghiệm nhất là với nhà thơ có cuộc đời ly-kỳ như Nguyễn hữu-Chỉnh con người mới lên bảy đã ứng khẩu được câu đối :

Mở khép càn-khôn, cố ra tay mới biết,
Ra vào trường-tướng, thử liếc mắt mà coi;
Con người suốt đời bán khoán, tha thế muốn làm ông Hà-cao-Tổ Nam-Việt,
Dòng Đào - đường chảy rốc rách dưới sông Lưu,
Mây Mang-linh cuốn chầu vần về đất Bái (17).

Thi nhân xưa đầy lòng dị-đoan, họ sợ nhất là bà thơ của họ sẽ là một bài « *Tràng phao* » nên mỗi lần ngâm vịnh họ tránh nhất là những lời thê-thảm, họ đã cố dối lòng để làm nên những vần thơ hùng tráng. Kẻ bất tài đành rằng thất bại, kẻ có tài đã làm giàu cho thi ca những lời thơ khảng khái mạnh-mẽ.

Cũng vì thế, và thành một thói tục quen, thi nhân Nam-Việt hay mượn những cảnh vật nhỏ mọn tầm thường, một con cóc (18), một cái nón (19), một thằng mõ (20), một người tát nước (21) để diễn tả những ý nghĩa cao lớn, họ làm thơ theo lối lượng trung của Vigny. Những bài như thế làm bất cố lẫn cả cái hùng tráng và cái bi thiết.

Thi-nhân xưa, trừ những trường hợp đặc-biệt, rất ít làm những bài thơ chuyên tả tình. Họ cũng rất không hay để lòng dửng-dưng trong lúc ca ngợi cái đẹp của ngoại-cảnh. Trong thơ họ bao giờ cũng lẫn lộn ngoại-vật và thâm-tâm. Ca tụng đất trời, nhà thơ ít quên gởi vào đó ca một ít tình, một ít ý. Nói cho đúng, nhà thơ đã mượn đất trời làm khung cảnh để diễn đạt những nỗi u-ẩn trong thâm-tâm.

***

Đọc thi ca cũ Việt-Nam, cảm tưởng của người đọc là một cảm-tưởng mạnh mẽ, một cảm-

(Xem tiếp trang (20)

Gốc tích thành Huế

(*Tiếp theo trang 7*)

thường xưng là « Thái-phó quốc-công », đóng ấn « Tổng-trấn tướng-quân » Ngày kỷ-mùi, ngài lên ngôi vương ở chính-phủ Phú-xuân (*Đại Nam thực lục, tiền-biên*, q. 10, tờ 5 a 6 a ; J. Koffler, *Description historique de la Cochinchine* dịch trong *Revue indochinoise*, Mai - Décembre 1911, trang 448, v. v). Ban chiếu đại-xá, gọi chỗ phủ chúa là điện, lời thần-dân trình lên là tấu (trước là thân), giấy má thì vẫn dùng niên hiệu nhà Lê, viết giấy xuống nước dưới mình thì xưng là Thiên-vương (*Quốc-triều sử toát yếu*, q 1, tờ 31 a). Trước kia phủ Phú-xuân gọi là chính-doanh, dinh Ái-tử gọi là cựu-doanh ; đến năm 1744 chúa Nguyễn-phúc-Khoát lên ngôi vương, gọi chính doanh là đô-thành, chia trong cõi làm 12 doanh (*Đại-Nam thực-lục, tiền-biên*, q 10, tờ 11 b).

Tháng 11 năm giáp-ngọ 1774, Trịnh Sâm sai Hoàng-ngũ Phúc vào lấn Thuận-hóa. Tháng 12 chúa Nguyễn-phúc-Thuần (1765-1775) chạy vào Quảng-nam, quân Trịnh vào đô-thành, Hoàng-ngũ-Phúc chiếm được Thuận hóa (*Đại-Nam thực-lục, tiền-biên*, q. 11, tờ 26 a ; *Quốc-triều toát-yếu*, q. 1, tờ 35 b). Đến năm 1786 Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ đuổi quân Trịnh, chiếm giữ xứ Thuận-hóa (*Đại Nam nhất thống chí*, q. 2, tờ 6 b).

Tháng năm, ngày mậu-dần, năm tân-dậu 1801, chúa Gia-long lấy lại được kinh-đô cũ, tức Phú-xuân là kinh-thành Huế bây giờ ; trích ba huyện Hương-trà, Quảng-điền, Phú vang thuộc phủ Triệu-phong, đặt dinh Quảng đức ; lại trích hai huyện Hải-lăng và Đăng-xương, cũng thuộc phủ Triệu-phong, và huyện Minh-linh ở phủ Quảng-bình, đặt dinh Quảng-trị, mỗi dinh đều đặt chức lưu-thủ, cai bộ và ký lục. Đến năm Gia-long thứ năm (1806) dinh Quảng-đức và Quảng-trị đều dùng hai chữ trực-lệ ở trên, cho theo vào kinh-sư. Năm Minh-mạng thứ hai 1821) đổi dinh Quảng-đức làm phủ Thừa-thiên, bớt hai chữ trực-lệ ở trên. Năm Minh-mạng thứ tư (1823) đặt chức kinh-thành đề-đốc, phủ-doãn, phủ thừa. Năm Minh-mạng thứ 16 (1835), đặt thêm ba huyện Phong-điền, Hương-thủy và Phú-lộc. Năm Tự-đức thứ sáu (1853) hợp tỉnh Quảng-trị (trấn Quảng-trị đổi làm tỉnh Quảng-trị từ năm 1831) vào phủ Thừa-thiên, đặt ra đạo Quảng-trị, giấy tờ việc quan thì dùng « Thừa-thiên phủ, Quảng-trị đạo ». Năm Tự đức thứ 29 (1876) lại đặt riêng tỉnh Quảng-trị như cũ, phủ Thừa-thiên cũng riêng như cũ, có sáu huyện : Hương-trà, Phú-vang, Hương-thủy, Phú-lộc, Quảng-điền và Phong-điền *Đại-Nam nhất thống chí*, q. 2, tờ 6 b-7 a ; *Khâm-định Việt-sử*, q. 21, tờ 24 a-b ; Võ-Liêm, *La capitale du Thuận-hóa (Huế)*, đăng trong *Bull. Vieux Huế*, 1916, trang 277 - 288 ; Michel Đức Chaigneau, *Souvenirs de Huế*, v. v.).

Còn hoàng-thành, kinh-thành, kiểu thế nào, rộng bao nhiêu, sách tây sách ta đã nói rõ, như quyển *La citadelle de Huế* của ông H. Cosserat và L. Cadière, in ở *Bull. Vieux Huế*, 1933, bài *Les fortifications de la citadelle de Huế* của ông Ardant du Picq, đăng ở *Bull. Vieux Huế*, 1924, v. v.

Lịch-sử gần đây, cũng có nhiều sách chép, như quyển Prudhomme, L'Annam *du 5 juillet 1885 au 4 avril 1886*, A. Delvaux *La prise de Huế par les Français, 5 juillet 1885* R. Orband, *Le Huế de 1885* ; H. Peyssonnaux, *Huế entre 1885 et 1888* ; A. Delvaux, *Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam*, v. v.

Xem như thế, thì thành Huế bây giờ ở làng Phú xuân bắt đầu có từ năm 1687 ; chữ « Huế » ấy do chữ « Hóa » đọc trạnh ra. Về thế-kỷ thứ 17, người Âu-châu thường viết là Senua, Sinoa, Singoa, v. v., tức là chữ Thuận-hóa của ta.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê
của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam ; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn Nửa đêm của Nam-Cao.

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết
của Ngô-Hòa giá 0$50

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân
của Thế-Hưng giá 0$30
Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 27 Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

XX. — Hàn-Ước, Mã-Tổng và Mã-Thực.

Ba chức đô-hộ này đều giỏi cả. Hàn-Ước là người dũng-quyết, sách-vở thiệp-liệp, có tài làm lại, dần dần thăng thứ-sử Kiền châu. Năm thứ hai hiệu Thái-hoà (828) đời Đường Văn-tông, thứ-sử Phong-châu là Vương-thăng-Triều làm phản, Hàn-Ước lĩnh chức « An-nam đô-hộ » để đánh dẹp. Vương-thăng-Triều bị giết. Sau quân trong phủ khởi loạn, Hàn-Ước bị đuổi, chạy về Quảng châu (*Khâm-định Việt sử*, tiền-biên q. 4, tờ 32 b; *An nam chí nguyên*, q. 2, trang 159; *Việt kiều thư*, q 4, tờ 12 a).

Bộ *Đại-Việt sử-ký* (q. 6, tờ 13 a) và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (q. 5, tờ 8 a) đều chép Hàn-Ước bị Dương-Thanh đuổi; nhưng xét ra Dương-Thanh bị Quế-trọng-Vũ giết từ năm 820, còn đâu đến năm 828 mà đuổi Hàn Ước! Vậy cứ chép là bị loạn-binh đuổi, không nên chép rõ là quân nào.

Mã-Tổng tên tự là Nguyên-hội, trong hiệu Nguyên-hoà (806-820), do chức thứ-sử châu Kiền (*Việt-Kiều thư*, q. 4, tờ 6 b, và *Khâm-định Việt-sử* q. 4, tờ 30 b, dẫn *Đường-thư*, đều chép là châu Kiền; *An-nam chí-nguyên*, q. 2, trang 158, chép là châu Ái) thăng làm An-nam đô-hộ. Người thanh-liêm, không hay quấy việc, dùng nho-thuật dạy dân, hóa thành phong-tục tốt, chính-sự giỏi, những dân lý-lão (mọi-rợ) đều yên, dựng cột đồng, chép công-đức nhà Đường, để tỏ mình là dòng-dõi Phục-ba (tức Mã Viện).

Khâm-định cẩn án rằng: « Mã Tổng làm đô hộ, chính-sự có tiếng tốt, cựu-sử bỏ thiếu không chép, nay khảo *Đường thư* chép thêm vào; nhưng truyện chỉ nói trong đời Nguyên-hoà, không chép rõ năm tháng ».

Mã-Thực, người Phù-phong, đỗ tiến-sĩ, lại đỗ khóa chế sách Năm Khai-thành thứ nhất (836) nhà Đường cho làm An-nam đô-hộ. Tính giỏi về việc lại, đem văn nhã sửa-sang, chính-sự thanh-liêm, giản-tiện, không phiền-nhiễu, nhân-dân trong « động » đều yên, các thủ-lĩnh những châu cơ-mi đều qui-thuận.

Năm thứ ba hiệu Khai-thành (838) Mã-Thực về Tàu xin đổi huyện Vũ-lục làm châu Vũ lục, kén thủ-lĩnh làm thứ-sử. Vì chính-sách giỏi, được thăng quan-sát-sứ Kiềm-trung (*Khâm định*, q. 4, tờ 33 a-b).

Mục cẩn-án ở *Khâm-định* chép rằng: « Xem *Đường-thư liệt truyện*, thấy Mã-thực làm đô-hộ, chính-sách thanh-liêm giản-dị, dân trong « động » được yên, ngọc châu lại sinh: cố tiết thanh-liêm cảm-hóa đến vật như thế. *Thanh nhất thống chí* liệt Mã-Thực vào bậc danh-hoạn An-nam; cùng với Triệu-Xương, Vương-Thức, đều là những bậc thứ-lệnh cổ danh-tiếng. *Đường-địa-lý chí* chép năm Khai-thành thứ ba (838) Mã-Thực dâng biểu xin đặt châu Vũ-lục. Rõ ràng sự thực như thế, mà cựu-sử bỏ sót, không chép, chỉ chép năm Hội-xương thứ nhất (841) Vũ Hồn thay Hàn-Ước làm kinh-lược-sứ. Nay xét *Đường bản kỷ*, năm Thái-hoà thứ hai (828) Hàn Ước bị loạn-quân đuổi tính từ năm thứ hai hiệu Thái-hòa (828) đến năm thứ nhất hiệu Hội-xương (841) qua đời Khai-thành năm năm, cộng 15 năm, có Mã-Thực làm đô-hộ. Vậy thì Vũ Hồn nối Mã-Thực, không phải thay Hàn-Ước. Nên theo *Đường-thư* mà cải chính để khỏi quên một vị lương-thứ trong kỷ nội-thuộc ».

Còn Vũ-Hồn *Khâm-định* (q 4, tờ 34 b 35 a) chép năm Hội-xương thứ nhất (841), Dương Vũ-tông cho làm kinh-lược sứ nước ta. Đến tháng 11 năm 843, Vũ-Hồn sai tướng sĩ sửa chữa phủ thành. Quân trong phủ lại loạn, đốt lầu trên thành, cướp kho-tàng. Vũ-Hồn chạy về châu Quảng. Giám-quân lấm Đoàn-sĩ-Tắc tổ yên dân-chúng; châu thành lại yên.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu mua vé số
Dông Phap
1p.00 một vé

Nhà thơ Thuật - Hoài

(Tiếp theo trang 17)

tưởng thanh cao, đưa lên đến một trình độ luân lý cao thượng, tuy không bao giờ phải lìa bỏ cõi thế gian nầy.

Người xưa có một linh hồn vừa đạo đức vừa lãng kiện; cho đến những người đàn bà cũng có một tinh-tình làm cho họ ưa thích những sự cao-cả mênh-mông hơn những sự tầm thường yếu điệu.

Một người đàn bà khóc chồng, cũng khóc với những tiếng khóc phi thường.

« Sầu sầu thẳm thẳm xiết bao
Sầu đầy đặt bể, thảm cao ngất trời ! »

Cái đau đớn của Ngọc Hân công-chúa khóc đức phu quân là một cái đau đớn mênh-mang, tô rộng, không tỉ-tê không yếu-ớt :

« Những ước mong trập trùng tuổi hạc.
Nguyện trăm năm ngỡ được vầy vui,
Nào hay sóng cạn bể vùi,
Lòng trời giáo giở, vận người biệt ly ».

Cái cảnh của Hoàng-hậu là cảnh *« phượng hoàng lẻ đôi »*, không phải cảnh chim con mất bạn.

Suốt bài thơ một trám sáu mươi tư câu, càng đi về đoạn cuối, lời thơ càng rít lên, càng bi thiết lạ nhường :

« Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát...

Cái sầu cái thảm của nữ thi sĩ lên cao thấu chín tầng giời, ra xa ngoài bao nhiêu bể rộng, siết lên như quy oán cả vũ trụ mênh-mang, cả hóa-công vô cùng :

Tấc lòng thảm thiết chín trời biết chăng ?
Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau !

Ngoài nỗi đau-đớn phi thường kia, bài *Ai-tư vãn* của Ngọc-Hân công chúa lại cao-thượng ở một lòng tôn vua, một lòng kính chồng, một lòng mến yêu khâm phục vô song đối với vị anh hùng là đức phu-quân vừa quá cố. Những thứ tình ấy đài các lạ thường, đó là biểu hiệu của một nền giáo dục hoàn toàn của ông bà ta ngày trước :

Ái ân muôn đội ơn trên ..

Cuộc gặp gỡ giữa Ngọc-Hân và Nguyễn-Huệ là chuyện tình thống khoái hơn hết trong lịch sử tình ái của dân-tộc Việt-Nam.

Xe giây vâng mệnh Phụ hoàng
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu-quy,
Trăm nghìn dặm quản chi non nước...
Chữ nghi gia mừng được phải duyên.

Nhưng than ôi, mới *« bảy năm kết phát »*

Duyên hảo cầu sao bỗng dở dang ?

Bài cảm hoài nầy lại có điều đáng để ý là đã gồm những đoạn văn thuật lại võ công của vị anh hùng Việt Nam kiá, của Nguyễn-Huệ, một tay « áo vải, cờ đào » đã dựng nên đế nghiệp, của người xứng đáng hơn ai cả để đóng vai chính trong một thiên anh-hùng ca bi-tráng ;

Từ cờ thẳm trỏ vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương.

. . . . . .

Nghe thuở trước đấng vương Thang, Võ
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ càng cao,
Mà nay áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình !
Nghe rành-rành đấng vương Nghiêu Thuấn.
Công đức dày ngự vận càng lâu :
Mà nay lượng cả ơn sâu.
Móc mưa tưới khắp chín châu đượm nhuần
Công nhường ấy mà nhân nhường ấy.
Cõi thọ sao hẹp mấy Hóa-công ?

Đời Nguyễn-Huệ là một thiên anh-hùng-ca, cái chết của người chẳng khác nào chiếc mặt trời vụt bị rơi-rụng làm ảm-đạm cả vũ trụ vô cùng :

Chín từng ngọc sáng bóng trung-tinh, ngoài muôn nước vừa cùng trông vẻ thụy.

Một phút mây che vừng Thái-bạch, trong sân cung thoắt đã nhạt hơi hương (22).

***

Thi nhân xưa đi trọng đời, ngẩng mặt lên trời, cao ngâm để rộng mở cửa lòng, giải tâm tư ra bốn phía, đem tâm can suy nghĩ đến gia-đình, tổ-quốc, nhân-loại ; dùng lý trí cảm-thông với vũ-trụ vô cùng, rồi trở về hồn mình để khinh thường mọi sự phù phiếm của thế gian, người không bao giờ nâng niu con tim bé bỏng của người.

Thi nhân ngày nay cúi đầu xuống đất, âm-thầm lẩn tránh vào tâm hồn chật hẹp của cá-nhân vị-kỷ, băn khoăn hối-hả riết lấy những bào ảnh của cuộc thế, và đau-đớn, bơ vơ khi thấy đôi cánh tay mình bất-lực để những bào ảnh kia tan-tác biến đi.

Cái cao rộng của người xưa đầy khí hạo-nhiên, không có vẻ vay-mượn, nhất là không bao giờ ra ngoài lẽ phải, không phải cái ngông-cuồng của trường thơ Loạn (23). Cái say-sưa của người xưa là cái say sưa thích-chí của kẻ tự thấy mình thanh cao hơn cái tầm

thường giữa cuộc đời ô-trọc, không phải cái say đắng cay chán nản và yếm-thế của kẻ thất bại trong trường đời (24).

Cử-chỉ người xưa lễ độ lạ thường, nhưng linh hồn người bường-bỉnh vô song: Không ai bắt người khuất phục được. Làm thơ, người xem như một trò giải-trí, người không trân trọng quý báu thi-phẩm của người một cách ích kỷ. Nhưng bước chân lên đoạn đầu đài người vẫn có tấm lòng bình thản để chắp nối những lời thơ.

HOÀNG-THIỀU SƠN

1) En Europe l'homme se sépare en Asie il se confond (En Chine).

2) Abel Bonnard cũng công-nhận điều ấy ở các thi-nhân Tàu (xem *En Chine*).

3) *Hà lương chia rẽ đường này...* » (*Chinh Phụ Ngâm*)

4) Nguyễn-đình-Tân (trích ở *Văn Việt Nam* của Nguyễn-can-Mộng) và Nguyễn-công-Trứ : Hầu gái một hai cô buổi tối Tớ trai ba bốn cậu ban ngày.

5) Ở như hầu.

6) Tú Xương (*Cuộc tổ-tôm*).

7) Nguyễn-công-Trứ

8) Nguyễn-công-Trứ (*Hàn nho phong vị phú*).

9) Đào-duy-Từ (*Ngọa long cương văn*)

10) *Thơ Bản Than*

11) *Vịnh Phỗng-đá*

12) *Anh chàng già điếc*

13) *Kim tiền*

14) *Lời gái góa*

15) *Lời vợ phường chèo*

16) *Hầu Giời*

17) *Tàn cung phụ nữ dục lưu Bái-công*

18) *Thơ con cóc* (Lê Thánh-Tôn)

19) *Thơ cái nón* (» » — »)

20) *Vịnh thằng mõ* (» — » »)

21) *Vịnh người tát nước* (Tú Xương)

22) *Văn tế vua Quang-Trung* (Ngọc Hân công chúa).

23) Hàn mặc-tử, Chế-lan-viên.

24) Vũ hoàng-Chương, J. Leiba.

« LẬP-NGÔN »

(*Tiếp theo trang 3*)

đã viết ra, mình chẳng những phải chịu trách nhiệm trước tòa công-luận đương thời, mà lại còn phải « hậu cứu » ở những « phiên » thẩm-phán của nghìn xưa và nghìn sau nữa.

Họ có quyền lắm, muốn viết gì thì viết, muốn in gì thì in, chứ ai « dám » bậu chế tấm lòng kiêu-ngạo của họ. Nhưng, nên nhớ rằng trình-độ độc-giả bây giờ đã cao lắm rồi, cao hơn mươi mười làm năm xưa, cao hơn người viết. Nếu không cẩn thận một chút thì chỉ tổ chác lấy cái tiếng « ếch nằm đáy giếng » và « múa rìu qua mắt thợ » mà thôi.

Tâm bịnh của phái này có lẽ cùng chung một căn-nguyên với những kẻ không biết kính trọng cái tôn-nghiêm, cái đẹp-đẽ ở nơi miếu, điện, đền, chùa mà ông Hoàng xuân Hãn đã tặng họ mấy câu rất đúng:

«...Đó cũng bởi kiêu căng quá mực. Ta tự cho bản-thân là đặc-sắc, nên danh-hiệu mình phải lưu lại với thời-gian...» (*Thanh-nghị* số 60, ngày 1er avril 1944, trang 15).

Tới đây tôi lại nhớ một nhà học-giả ở Hà-nội có nói: « Ở ta bây giờ có một việc cần làm là *hết thảy mọi người* hãy phải quay về mà cắp sách đi học thêm đã, rồi hẵng nói đến chuyện viết-lách gì sau! » Đó tuy là lời « cực đoan », có vẻ « quá khích », nhưng thiết tưởng không phải không hữu sở vị mà nói ra vậy.

***

Sau khi đã ngó qua mấy phái trong làng « Lập ngôn » ở xứ ta và hạ đôi lời lạm bình, tôi xin kể thêm một chuyện — nếu không nhớ lầm — có quan-hệ đến việc làm sách:

Có người nói với Trình-tử:

— Chú-thích sách thuốc nếu sai lầm thì rất nguy, vì có thể giết tính mạng người ta được.

Trình-tử đáp:

— Nhưng không nguy bằng công-việc chú-thích Kinh Truyện, vì chú thích sách thuốc mà lầm thì chỉ giết hại một hai mạng người thôi, bởi chưng một khi người nước uống lầm một bài thuốc nào mà chết thì người sau tất phải tránh đi, chứ không khi nào lại chịu mắc nữa. Đến như chú thích Kinh Truyện mà sai lầm thì sẽ làm hại biết bao nhiêu người trong thiên hạ và hậu thế.

Câu chuyện trên đây, tôi tưởng là một bài học chung cho chúng ta: cần phải thận trọng trong khi cầm bút viết sách.

HOA BẰNG

GIỚI THIỆU

Bản chí vừa nhận được cuốn « Lên tám » của thi sĩ Tản Đà do thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản — giá 1$50.

Sách in bìa màu do họa sĩ Mạnh Quỳnh trình bày và vẽ rất mỹ thuật.

***

Phụ-bản: (*thơ*) của Lê Minh — *Đang Tân thư xã xuất bản giá 3$00. Bìa giấy tốt in hai màu — trình bày mỹ thuật.*

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

T. T.

CHÂU CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 21 CHU-THIÊN

Đoàn-Văn đã rút kiếm ra sầm sầm cầm ở tay, lưỡi kiếm bóng loáng phản chiếu ánh mặt giời phát ra những tia sáng chói lòe. Người kia run run, mất cả vẻ điềm-tĩnh nói ngập ngừng lấu táu :

— Cộng-tử giết, tiểu-chức xin vâng, không dám trống lại, nhưng tiểu chức chỉ tiếc công-tử quá u mê, đắm đuối với một người con gái mà quên mất cả thù nhà nghĩa lớn. Chính tiểu chức đã gặp nghĩa sĩ Vân Côi. nghĩa-sĩ có bảo tiểu-chức về tâu với công-tử.

Đoàn-Văn gạt :

— Ta không biết. Anh nhiều nhời vô ích. Ta cần phải giết. Chàng hoa kiếm lên. người kia lui, một bước, cũng rút kiếm ra chợi chống lại, nhưng nhanh như cắt chàng đã phóng lưỡi kiếm vào trúng cuống họng bên địch. Máu vọt ra một tia dài, rồi cả người ngã lăn quay ra không kịp kêu. Chàng chặt lấy thủ cấp sách về qua chỗ gặng thông Kim-vân và Thịnh-Nguyên trông thấy sợ rú yên, kinh ngạc không sức thốt ra tiếng chỉ đưa mắt sợ hãi nhìn hỏi

Đoàn-Văn điềm tĩnh đáp :

— Nó láo quá; ta giết nó đem đầu về trình bác !

Kim-Vân công-chúa nhớn nhác sợ tròn hai mắt hỏi giật :

— Sao vậy?

Vẫn thong thả điềm tĩnh, Đoàn công-tử đáp :

— Nó bảo bác thủ mưu giết hại cha tôi ngoài trận !

Kim-Vân rùng mình. sợ sệt nhìn Đoàn công-tử. Chàng dịu dàng bảo :

— Thôi ta về đi !

Im lặng, xuống đến mãi chân núi, và ngồi trên mình ngựa, rồi Kim-Vân mới dám buông một câu thương hại về lai lịch kẻ bị chém :

— Khốn nạn cái anh Đào-Lịch này, chỉ vì ngông cuồng mê muội mà uổng một đời ! Hắn cũng có tài và lại hay cậy tài. Lại chực sớm sỡ với em, nên thày em mới đổi cho ra ngoài biên. Thế là hắn tức ghen với anh đấy...

Kim-Vân nhìn Đoàn-Văn mỉm cười rồi nói tiếp :

— Cũng thân danh là một vị tráng sĩ đấy. người ta thường tôn là tráng-sĩ Sơn-Hạc !

Thịnh-Nguyên tiếp :

— À tráng-sĩ Sơn-hạc, chúng tôi cũng đã được nghe danh.

IV

Về đến cung, Đoàn-Văn tức khắc đem thủ-cấp Đào Lịch vào trình vua Chương-Võ. và kể rõ cả tình đầu cuộc gặp gỡ kỳ khôi ấy. Vua Chương-Võ hết sức kinh-ngạc nhìn đầu kẻ bị giết một lúc rồi mới phán khen chàng rằng :

— Ta biết con trung nghĩa lắm, Kẻ tiểu-nhân kia toan ly gián ta với con để gây lên mầm loạn ! Có minh đạt như con, thì mới không mắc vào mưu chúng ! Ta càng thêm mừng được con tin đến như thế. Con đã tin ta và khéo mạnh thư thái rồi, tức là đến lúc ta phải khởi sự đánh kẻ loạn thần.

Kim-Vân công-chúa đứng bên tâu ngay :

— Ấy thưa cha, hôm nay cũng vì anh ấy buồn chưa báo được thù nên mới rủ anh Thịnh-Nguyên và con cũng đi chơi cho khuây-khỏa, thì lại gặp ngay cái sự chẳng hay này !

Vua Chương-Võ cười bảo Đoàn-Văn :

— Không ! Ta không quên cái thù lớn ấy đâu ! Nhất là cái thù ấy lại là thù chung của cả thiên hạ, chứ không riêng gì một ai, của con hay của ta. Còn tên Đào-Lịch này vốn cậy tài tự kiêu đòi hỏi lắm điều hỗn sược, ta không nỡ giết, dung tha cho nó ra ngoài biên lập công chuộc tội, không ngờ nó lại về với họ Trần, lập mưu ly gián ta. Con trừ giết được nó thật là phúc lớn cho thiên hạ, Ta mừng con và xin hậu thưởng con để đền đáp công lớn. Và ta sẽ trù tính cùng con đi đánh giặc ngay.

Rồi ngài sai quân lính đem thủ cấp Đào-Lịch đến chân núi Lạn-kha và nhặt lấy cả cái thây trên đỉnh núi, đem chôn một thể vào một huyệt. Quân lính đem thủ cấp ra rồi, ngài cười bảo Đoan-Văn Kim-Vân và Thịnh-Nguyên :

— Tên Đào-Lịch chỉ dại mà uổng mạng. Nên ta cũng thương-

hương, mới sai đắp điếm cho hắn tử tế một chút như thế kẻo tội nghiệp!

Thịnh-nguyên hỏi thêm:

— Bẩm tráng-sĩ Sơn-hạc đã lên đến bậc ấy mà còn thế thật là hoài mất một đời.

Ngài cười tiếp:

— Phải, cũng nổi danh tráng-sĩ một thì, kia đấy. Chỉ vì cậy tài tự cho mình là phải, là có quyền muốn sao được vậy. Hữu tài vô hạnh! Hỏng! Ta phải noi đấy mà làm gương.

Rồi ngài sai đặt tiệc mừng Đoàn-Văn, và họp trăm quan cùng dự tiệc và bàn ngày xuất quân. Ăn uống vui mừng đàn hát mãi đến khuya mới tan. Quân lính phải sách đèn lồng đưa hai chàng về lầu. Mấy hôm sau, có cuộc đại cử tiến đánh kinh thành, tất cả các bậc tướng tài binh giỏi đều đi dự cả. Công-chúa Kim-Vân, công tử Đoàn-Văn và công tử Thịnh-Nguyên đều theo bên trướng vua Chương-Võ tề đốc xuất quan quân ra ngoài mặt trận. Cuộc đi tuy không được lợi việc dùng binh thất bại, nhưng cái tình quyến luyến của công tử Đoàn-Văn đối với vua Chương-Võ càng thêm thấm thía. Chàng nhận thấy đức vua tận lực với chàng, dốc lòng báo thù cho bạn. Vì chàng nóng-nảy muốn tiến quân, nên ngài phải chiều lòng, thành ra cuộc đi không được lợi. Thế mà ngài không hề buông lời trách chàng, ngài chỉ phàn nàn tự trách là cách dùng binh còn kém, quân tướng tiến lui không được đều mà hèn nỗi. Thấy ngài nhân từ mà nghiêm nghị, quở trách cả tướng, chàng càng cảm kích, và tìm đủ cách tỏ ra biết ơn và tôn kính ngài. Về phần ngài, ngài cũng quý yêu chàng rất mực. Không một việc nhớn nhỏ gì là ngài không bàn với chàng. Có việc ngài không bảo Kim-Vân mà chỉ bảo uguyên chàng. Ngài thường bảo chàng:

— Con Kim-Vân nó thằng thắn các võ thuật cũng khá, chỉ phải tội tự kiêu tự đại quá. Phải đánh gẫy cái chí nó đi nhiều thì mới dùng được.

Và những lúc dỗi dãi, cùng ngồi chơi bên cung Chương-Võ, lâm bận ngài vui vẻ âu-yếm phán chàng:

— Con người ta hễ cứ bền chí là được, không lo con ạ. Hễ xong giặc Trần rửa được thù cho thày con, trong thiên hạ vô sự, ta làm lễ cưới cho con với Kim-Vân là tha hồ vui vẻ.

Đoàn-Văn vui vẻ tiếp:

— Thật bác thương con quá, thương hơn con đẻ!

— Nghĩa phải như vậy chứ. Vả rồi con cũng là con ta kia mà!

Từ đấy Đoàn công-tử tỏ ra vui vẻ, và tận tâm với Chương-Võ hoàng đế và Kim-Vân công-chúa. chàng được coi như người nhà thân-mật và tin cẩn, ra vào không ai dám hỏi. Lần hạng lầm thường luồn-lọt tâng công đều gọi tôn chàng là Phò-mã, là Điện-hạ, là Đại-vương, chàng chỉ mỉm cười vui vẻ hoặc tươi cười đáp lại:

— Ấy chết, các bác chớ gọi tôi thế, không tiện, ngộ công-chúa không bằng lòng thì sao!

Chàng nói vậy để nhún mình cho nên ai cũng quý mến.

Cuộc đời đương bình thản êm-ấm như thế, bỗng một hôm, Đoàn-Văn vừa ra khỏi thành gặp ngay một người lính của Đoàn Động-hải vương trước, theo hầu chàng lên đây, rồi không có việc được sung vào đội quân của vua Chương-Võ. Tên lính ấy quỳ giữ chàng lại, và van xin nói chuyện nhờ giúp một việc. Chàng ngạc nhiên hỏi.

— Chú định hỏi tôi cái gì?

Người lính kia lễ phép thưa:

— Tiểu-tốt xin công tử nhớ đến Tiền-vương.

Đoàn-Văn cười hỏi:

— Sao chú lại ăn nói lẩn thẩn thế. Lúc nào tôi chả nhớ đến, và đắp chí báo thù.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi

— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Thơ và ngân-phiếu để cho:

O. ĐINH-VĂN-TUỆ

Số 32 Phố Riquier — Hanoi

LE CAPITAINE ĐỖ HỮU VI

par S. E. PHẠM QUỲNH

Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của thư-xã **Alexandre de Rhodes**, dày 50 trang khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của **Nguyễn Tiến Lãng**. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu

Một áng văn kiệt tác của cụ **Thượng Phạm**, mà trong thời buổi này, thanh niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy - nghĩ.

Bản thường	0$50
Bản giấy tốt	3 00
Cước	0 32

Sắp có bán

CỰC ĐÔNG

cổ sử

của Nguyễn đức Quỳnh

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và ẤN ĐỘ

Đã có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của *NGUYEN BÁCH KHOA*

dày 400 Trang giá 6$00

Mua một cuốn gửi thêm 0$80 cước

-Không bán lấy hóa giao ngân

HÀN THUYÊN *71 Tiên Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ

Giá 5$00

Sắp phát hành

Lược-luận về **PHỤ-NỮ VIỆT-NAM**

Luận-lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT**

LỊCH - SỬ BÁO - CHÍ hoán cầu

NGHỆ - THUẬT và **DANH - GIÁO**

mua sách, đặt sách, xin viết cho

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi